Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục Phần 2

thuvienhoasen.org/p27a4585/an-quang-dai-su-gia-ngon-luc-phan-2

ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC
PHẦN 2

III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

1. Giảng về phương pháp Niệm Phật

** Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hãy nên tu chánh hạnh Niệm Phật. Lấy Tín - Nguyện để dẫn đường, lấy niệm Phật làm chánh hạnh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh nhưng không có Tín - Nguyện sẽ chẳng thể vãng sanh. Có Tín - Nguyện nhưng thiếu Hạnh cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh đầy đủ không thiếu sẽ quyết định được vãng sanh. Được vãng sanh hay không toàn là do có Tín - Nguyện hay không, phẩm vị cao hay thấp toàn là do công trì danh sâu hay cạn.*

Về chánh hạnh niệm Phật nên tùy sức mỗi người mà lập, chẳng thể chấp chặt một bề. Nếu thân mình không bận việc, cố nhiên nên từ sáng đến tối, từ đêm đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, giữ sao cho một câu hồng danh thánh hiệu chẳng rời tâm, miệng! Nếu rửa ráy, súc miệng thanh tịnh, áo mũ chỉnh tề và nơi chốn thanh tịnh thì niệm Phật ra tiếng hoặc niệm thầm đều được cả.

Còn lúc ngủ nghỉ, lúc thân hình hở hang, tắm gội, đại tiểu tiện, cũng như khi đến chỗ dơ bẩn chẳng sạch, chỉ nên thầm niệm, đừng niệm ra tiếng. Thầm niệm cũng có cùng một công đức [với niệm ra tiếng]. Niệm ra tiếng chẳng cung kính. Chớ bảo ở những chỗ ấy chẳng thể niệm Phật. Phải biết là ở những nơi ấy, chẳng được niệm ra tiếng mà thôi. Hơn nữa, lúc nằm ngủ nếu niệm ra tiếng chẳng những không cung kính lại còn bị tổn khí. Chẳng thể không biết điều này!

** Dù là niệm Phật lâu ngày chẳng hề gián đoạn, nhưng mỗi sáng chiều nên hướng về Phật lễ bái. Lễ xong, trước hết, niệm một biến kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh; đoạn niệm tám câu kệ tán Phật: "A Di Đà Phật thân kim sắc..." Niệm kệ xong, niệm "nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật". Tiếp đó, niệm sáu chữ "nam mô A Di Đà Phật" một ngàn lần hoặc năm trăm lần, nên vừa nhiễu Phật vừa niệm. Nếu chẳng tiện nhiễu Phật thì quỳ, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được cả.*

Lúc niệm gần xong, bèn trở về chỗ, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lượt. Sau đấy mới niệm Tịnh Độ Văn phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Khi niệm Tịnh Độ Văn phải nương theo văn nghĩa mà phát tâm. Nếu tâm chẳng nương theo văn sẽ thành ra uổng công đọc xuông, chẳng được lợi ích thật sự! Đọc Tịnh Độ Văn xong niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa sáng, buổi tối cũng như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì khi trở về chỗ, sẽ lễ Phật bao nhiêu lạy đó, xưng danh Bồ Tát chín lượt, lễ chín lạy. Lễ xong, phát nguyện hồi hướng. Hoặc lễ bái lúc niệm xong công khóa, miễn sao tiện cho mình là được. Nhưng phải khẩn thiết, chí thành, đừng làm lếu láo, qua loa. Bồ đoàn chẳng được cao quá, cao là chẳng cung kính!

Nếu như công việc bộn bề, không lúc rảnh rỗi, thì sáng tối sau khi rửa ráy, súc miệng xong, nếu

có tượng Phật thì nên lễ Phật ba lạy, đứng ngay, niệm nam mô A Di Đà Phật. Hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi liền niệm Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ "nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...". Niệm xong, lễ Phật ba lạy, lui ra.

Nếu không có tượng Phật thì hướng về Tây xá lạy, chiếu theo cách trên mà niệm. Đây là phép Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vương giả, đại thần quá bận rộn việc triều chánh, không rảnh để tu trì mà lập ra. Vì sao dạy niệm hết một hơi? Là vì chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh để chuyên niệm. Lúc niệm như vậy, họ sẽ mượn khí để nhiếp tâm, tự tâm chẳng tán. Phải tùy theo hơi dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều đến nỗi tổn khí.

Lại chỉ nên niệm mười hơi, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều hơi cũng tổn khí. Vì tán tâm niệm Phật khó được vãng sanh nên pháp này khiến cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định vãng sanh. Số câu niệm tuy ít, công đức rất sâu. Người cực nhàn, kẻ cực bận đều có pháp tắc. Còn kẻ nửa nhàn, nửa bận hãy tự nên châm chước để lập thành pháp tắc tu trì.

** Một pháp Niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để bỏ trần lao, quay về giác, phản bổn quy nguyên. Đối với người tại gia, pháp này lại càng thân thiết. Vì người tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng kinh trong tịnh thất... do hoàn cảnh sẽ chẳng làm được nổi hoặc chẳng đủ sức. Chỉ có mình pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất.*

Sáng tối đối trước Phật, tùy phận, tùy sức lễ bái, trì niệm, hồi hướng, phát nguyện. Ngoài ra thì đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thảy thời, hết thảy chỗ đều niệm được cả. Nhưng ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì niệm ra tiếng hay niệm thầm đều được. Còn như ở những nơi chẳng sạch sẽ (như vào nhà tiêu chẳng hạn) hoặc nhằm lúc chẳng cung kính (chẳng hạn như đang nằm ngủ, tắm gội...) chỉ nên niệm thầm, chẳng nên niệm ra tiếng, chứ chẳng phải là ở những chỗ ấy, nhằm lúc ấy, không được niệm!

Nằm ngủ niệm ra tiếng thì chẳng những không cung kính, lại còn bị tổn khí, lâu ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm giống hệt công đức niệm bình thường. Ấy là: "Niệm ở đâu sẽ ở đó. Ngay thẳng cũng do đấy, mà điên đảo cũng bởi đấy".

** Đối với những điều như: Muốn tâm chẳng tham sự vật bên ngoài, chuyên niệm Phật nhưng chẳng thể chuyên, cứ toan chuyên chuyện khác; chẳng thể niệm, cứ muốn niệm những sự khác; chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi chuyện khác v.v... thì chẳng có pháp tắc kỳ đặc, áo diệu nào khác cả; cứ lấy một chữ Tử dán ngay trên trán, rủ xuống tận lông mày, tâm luôn nghĩ:*

"Ta là người nào mà từ vô thỉ mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì tận mười phương hư không chẳng thể chứa đựng nổi. Đời trước do may mắn nào, nay được thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi một hơi thở ra chẳng trở lại, quyết sẽ phải thọ khổ trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao nơi địa ngục, chẳng biết phải trải qua mấy kiếp.

Dù thoát địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển cả, họng bé như chiếc kim, đói khát bao kiếp dài lâu. Trong họng lửa cháy, chẳng được nghe đến tên chất tương hay nước, khó được no lòng chốc lát. Từ ngạ quỷ ra, lại làm súc sanh: bị người cưỡi cổ, hoặc gieo thân vào bếp núc nhà người. Dù được làm người, cũng ngu si, vô trí, coi tạo nghiệp là đức năng, coi tu thiện là gông cùm. Chẳng qua mấy mươi năm lại bị đọa lạc; trải qua kiếp số nhiều như cát bụi luân hồi lục đạo. Dù có muốn xuất ly, cũng chẳng biết làm sao!".

Nghĩ được như thế thì những việc mong muốn nói trên sẽ thành tựu được ngay. Bởi thế, ông

Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, lâm chung tướng địa ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng liền tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích như thế, trăm ngàn vạn ức pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của Đức Phật đều không có. Tôi thường nói: "Cửu giới chúng ta rời pháp này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh" chính là vì lẽ này.

** Nếu niệm Phật tâm khó quy nhất thì nên nhiếp tâm niệm khẩn thiết, tâm sẽ tự có thể quy nhất. Tâm chẳng chí thành, muốn nhiếp tâm cũng chẳng được. Nếu đã chí thành, nhưng vẫn chưa thuần nhất thì hãy nên lắng tai nghe kỹ; chẳng luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, mỗi niệm đều phải từ tâm khởi, tiếng từ miệng thoát ra, âm thanh lọt vào tai (khi niệm thầm, miệng chẳng động, nhưng trong ấy vẫn có thanh tướng). Tâm và miệng niệm được rõ ràng, tách bạch; tai nghe cho rõ ràng, phân minh. Nhiếp tâm như thế vọng niệm sẽ tự dứt.*

Nếu sóng vọng tưởng vẫn còn trào dâng thì dùng ngay pháp Thập Niệm Ký Số, dốc toàn bộ sức lực của tự tâm đặt vào mỗi câu Phật hiệu thì vọng muốn khởi cũng chẳng đủ sức. Diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này các vị hoằng dương Tịnh Độ trước kia chưa nhắc đến vì căn tánh người thời ấy còn lanh lợi, chẳng cần phải làm vậy vẫn có thể quy nhất. Ấn Quang vì tâm khó chế phục, mới biết cách này mầu nhiệm, càng thực hành càng thấy hiệu nghiệm, chứ chẳng phải là tự tiện nói mò. Xin chia sẻ cùng những người độn căn trong khắp thiên hạ đời sau ngõ hầu vạn người tu, vạn người về.

Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nhắc đến đó như sau: Trong khi niệm Phật, từ một câu đến mười câu phải niệm cho phân minh, nhớ số phân minh. Niệm hết mười câu lại niệm từ một câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi câu. Niệm câu nào nhớ câu nấy, chẳng được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu thấy khó nhớ cả mười câu thì chia ra làm hai hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ năm và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn chưa được, hãy niệm thành ba hơi: từ câu thứ nhất đến câu thứ ba, từ câu thứ tư đến câu thứ sáu, và từ câu thứ bảy đến câu thứ mười. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho phân minh, nghe cho rành rẽ, vọng niệm không chỗ chen chân, lâu ngày sẽ tự được Nhất Tâm Bất Loạn.

Phải biết là pháp Thập Niệm này nhiếp vọng giống như pháp Thập Niệm sáng chiều, chỉ có cách dụng công là khác nhau. Pháp Thập Niệm Sáng Chiều coi hết một hơi là một niệm, chẳng luận là số câu niệm Phật nhiều hay ít; còn cách này cứ một câu là một niệm. Cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào mỗi sáng, chiều; nếu niệm đến hai mươi, ba mươi hơi sẽ bị tổn khí thành bệnh. Cách này niệm một câu Phật hiệu, tâm biết là một câu; niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết là mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười. Suốt ngày niệm mấy vạn câu đều giống như thế. Chẳng những trừ được vọng, lại còn dưỡng thần rất hay. Dù niệm chậm hay nhanh, trọn chẳng trệ ngại. Từ sáng đến tối, không lúc nào chẳng thích hợp.

So với cách lần chuỗi để nhớ số, lợi ích cách xa một trời một vực. Cách nhớ số bằng chuỗi khiến thân mệt, tinh thần động. Cách Thập Niệm Ký Số này khiến thân thong thả, tâm an nhàn. Chỉ những lúc làm việc khó nhớ nổi số thì cứ khẩn thiết niệm. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số thì những ý tưởng lông bông qua lại sẽ theo nhau gom về chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đức Đại Thế Chí nói: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất". Kẻ lợi căn chẳng cần bàn đến, còn như bọn độn căn ta bỏ cách Thập Niệm Ký Số này lại mong "nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối" thật khó khăn lắm thay!

Lại phải nên biết rằng cách nhiếp tâm niệm Phật này chính là pháp vừa cạn vừa sâu, vừa Tiểu vừa Đại, chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ vì mình chưa hiểu đến nơi đến chốn bèn sanh ngờ vực, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây phải mất, chẳng thể tự rốt ráo đạt được lợi ích, thật là đáng buồn!

Chỉ nên lần chuỗi niệm Phật trong hai lúc: đi hoặc đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động tinh thần chẳng thể an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này, đi, đứng, nằm, ngồi

đều thực hành được cả, nhưng lúc nằm chỉ nên niệm thầm, chẳng được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng thì một là chẳng cung kính, hai là bị tổn khí. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!

** Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, phải nên chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu "nam mô A Di Đà Phật". Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và đại tiểu tiện v.v... đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được). Cần phải niệm sao cho toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật chẳng hai, tâm Phật nhất như. Nếu có thể niệm tại đâu chú tâm tại đó, niệm đến cùng cực, tình mất sạch, tâm không, Phật hiện, sẽ chứng được tam muội ngay trong đời này. Đến lúc lâm chung, sanh trong Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã hoàn tất sự tu trì đến cùng cực vậy.*

** Lúc niệm Phật nên tùy nghi. Nay trong Niệm Phật đường của các tùng lâm đều niệm kinh A Di Đà xong thì niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, rồi mới xướng kệ niệm Phật. Tán kệ xong, niệm tiếp "nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật" rồi nhiễu niệm. Phải đi nhiễu từ Đông sang Nam, từ Tây sang Bắc. Đấy là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng mới có công đức. Tây Vực trọng nhất là đi nhiễu. Ở phương này, cùng thực hành cả hai cách lễ bái và đi nhiễu. Nếu đi từ Đông sang Bắc, từ Tây sang Nam thì là "phản nhiễu" (đi nhiễu ngược chiều) sẽ mắc tội, chẳng thể không biết điều này! Nhiễu niệm một khắc rưỡi rồi ngồi thầm niệm. Ước chừng một khắc lại niệm Phật ra tiếng.*

Niệm xong, quỳ niệm Phật mười lần. Quan Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu niệm ba lượt. Sau đấy mới niệm Phát Nguyện Văn. Người tại gia ngại thất nhỏ khó nhiễu niệm thì đứng, quỳ hay ngồi niệm đều được. Chỉ nên án theo tinh thần mình mà định, bất tất phải nhờ người khác lập pháp tắc cho mình.

** Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân - khẩu - ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng thì cũng khó được lợi ích. Thế gian nhấc vật nặng còn phải dùng tiếng [hò reo] để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng tam muội ư?*

Vì thế, kinh Đại Tập nói: "Niệm lớn thấy Phật lớn. Niệm nhỏ thấy Phật nhỏ". Cổ đức bảo: "Niệm lớn tiếng sẽ hiện thân Phật lớn. Niệm nhỏ tiếng sẽ hiện thân Phật nhỏ". Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm mà mong được nhất tâm thật chẳng thể được!

** Hòa Thượng Thiện Đạo là hóa thân của đức Di Đà, có đại thần thông, có đại trí huệ, nhưng khi hoằng khai, xiển dương Tịnh Độ, Ngài chẳng luận đến chỗ huyền diệu, chỉ chú trọng vào những điểm chân thật, thiết thực, bình thường để dạy người tu trì. Thuyết Chuyên Tạp Nhị Tu (hai đường lối chuyên tu và tạp tu) của Ngài dạy lợi ích vô cùng.*

Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (đi nhiễu và trong hết thảy chỗ đều chẳng phóng dật thì là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (hễ trì tụng kinh chú đều chí tâm hồi hướng, cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương vạn người chẳng sót một.

Tạp Tu là kiêm tu các thứ pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất nên khó được lợi ích; trong trăm người họa may được một hai, trong ngàn người may ra được ba bốn người vãng sanh! Đấy là lời chân thành phát xuất từ miệng vàng, là lời phán định chắc như sắt ngàn đời chẳng đổi được.

** Phát Nguyện Văn, văn tuy rộng lớn, nhưng phải chân thật phát nguyện từ nơi tâm mới gọi là Nguyện. Nếu không, tâm - miệng trái nhau, gọi là Nguyện sao được? Muốn nguyện [được phước báo] trong hiện đời cũng chẳng ngại gì. Muốn được phước huệ, đông con lắm cháu thì cứ cầu bằng cách chất chứa thật nhiều âm đức, rộng hành các phương tiện.*

** Niệm Phật chẳng thể bỏ qua hồi hướng. Hồi hướng chính là dùng miệng để phát khởi tín nguyện. Nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi hoàn tất khóa tụng sáng tối và sau khi niệm Phật, tụng kinh giữa ngày xong. Niệm Phật thì nên niệm từ sáng đến tối chẳng gián đoạn, chỉ cần trong tâm có ý niệm nguyện được vãng sanh là đã luôn hồi hướng. Nếu cứ theo nghi thức tụng văn hồi hướng sẽ chẳng luôn luôn được như vậy. Các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng đều dạy chúng sanh thẳng đến Phật đạo; chỉ hận người tụng chẳng thành tâm niệm tụng, đến nỗi chẳng được lợi ích hoàn toàn.*

** Trong sinh hoạt hằng ngày, với tất cả những việc thiện nhỏ nhoi và các thiện căn tụng kinh, lễ bái đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thảy hạnh môn đều là Trợ Hạnh của Tịnh Độ. Giống như các hạt bụi tụ thành đất, các dòng chảy dồn lại thành biển rộng lớn sâu thẳm, ai có thể cùng tận được nổi!*

Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, tất cả công đức tu trì hồi hướng cho khắp bốn ân, ba cõi pháp giới chúng sanh, như lửa thêm dầu, như mạ gặp mưa. Đã kết sâu pháp duyên cùng hết thảy chúng sanh thì sẽ mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng của chính mình. Nếu chẳng biết nghĩa này thì chỉ là sự hiểu biết của phàm phu, Nhị Thừa, dù tu diệu hạnh chỉ cảm được quả báo thấp kém!

** Nên phát nguyện vào lúc niệm Phật sáng chiều xong (với pháp Thập Niệm sáng chiều cũng phải niệm Phật trước rồi mới phát nguyện). Hoặc là dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn [để phát nguyện]. Nếu thân tâm rảnh rỗi thì nên đọc bài Tịnh Độ Văn do Liên Trì đại sư soạn. Bài này văn từ, nghĩa lý châu đáo, hay nhất xưa nay. Phải biết rằng phát nguyện đọc văn là nương theo văn để phát nguyện, chứ chẳng phải chỉ đọc qua một lượt là đã phát nguyện đâu!*

** Với công khóa mỗi ngày, công khóa nào cũng đều nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Nếu đem công khóa này hồi hướng cho việc này, công khóa kia hồi hướng cho việc kia thì chẳng phải là không được, nhưng phải có lời phổ đồng hồi hướng thì mới tương hợp với ba thứ hồi hướng.*

Ba thứ hồi hướng là:

- Một là hồi hướng về Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp.

- Hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn.

- Ba là hết thảy pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ.

Ai nấy có chí riêng, người người có nghiệp riêng (nghiệp ở đây là thức nghiệp), nhưng tùy duyên tùy phận đều được vãng sanh cả, bất tất mọi người phải giống hệt nhau.

*2. **Đối trị tập khí***

** Niệm Phật muốn được nhất tâm thì trước hết phải phát tâm chân thật, thật sự vì liễu sanh tử, chẳng phải vì mong người đời gọi mình là người tu hành chân thật. Lúc niệm, từng câu, từng chữ phải từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai. Mỗi câu đều như thế, trăm ngàn vạn câu cũng đều như thế. Làm được như thế thì vọng niệm không do đâu khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp nhau. Lại phải khéo dụng tâm, đừng đến nỗi quá chấp trước để rồi thân tâm bất an, đến nỗi ma sự có thể phát khởi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành đúng theo đây, nhất định sẽ chẳng lầm lạc.*

** Lúc niệm Phật chẳng thể khẩn thiết là vì chưa biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui! Nếu nghĩ rằng thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, một hơi thở ra chẳng trở lại, chắc chắn sẽ tùy theo nghiệp nặng nhất trong đời trước hay đời này đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu trọn chẳng có kỳ ra.*

Như thế là "do nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm". Bồ Đề tâm chính là tâm tự lợi, lợi tha. Tâm này vừa phát sẽ như bình được sét đánh xuống, như thuốc thêm lưu huỳnh, sức nó rất lớn lại rất nhanh chóng. [Do phát tâm Bồ Đề] tiêu được nghiệp chướng, tăng phước huệ, chẳng thể lấy những thiện căn, phước đức bình thường sánh ví nổi.

** Niệm Phật nên thường tưởng như mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, thì chẳng khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, chẳng tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng tâm sợ khổ niệm Phật chính là diệu pháp thoát khổ bậc nhất, cũng là diệu pháp tùy duyên tiêu nghiệp bậc nhất.*

** Trị tập khí trong tâm thì chỉ có siêng năng, chỉ có thiết tha, nhưng vẫn chưa đạt, chưa thấy được tập khí tiêu trừ là vì cớ gì? Ấy là tâm sanh tử chưa thiết tha, chỉ đem pháp siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm này bàn suông nơi cửa miệng nên chẳng đạt hiệu quả thật sự.*

Nếu như biết thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp. Nay mình may được thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó tin nhất, dám đâu để quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch bởi sắc, thanh, của cải, lợi lộc, để rồi vẫn sống thừa, chết uổng như cũ, vẫn lại trầm luân lục đạo, không ngày thoát ra ư?

Hãy đem ngay một chữ Tử dán vào trán. Hễ những cảnh chẳng nên tham luyến hiện ra liền biết đấy chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng đến nỗi như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt mình! Với những sự mình phải nên làm sẽ biết đấy là thuyền từ để thoát khổ, quyết sẽ chẳng đến nỗi gặp việc nhân bèn thoái thác, thấy việc nghĩa chẳng làm! Như thế thì trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới kham tu đạo chăng? Bởi đã làm chủ được tâm, chẳng bị cảnh chuyển thì trần lao chính là giải thoát.

Vì thế, kinh Kim Cang mấy lượt dạy người tâm chẳng trụ tướng, phát tâm độ tận hết thảy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, chúng sanh là người được độ và tướng thọ giả của vô dư Niết Bàn để đắc thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh được độ và vô dư Niết Bàn là pháp để độ thì tuy là độ sanh, nhưng chưa thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng thấu rõ bản thể của chúng sanh là Phật, Phật tánh bình đẳng, vọng khởi

phàm tình, thánh giải đến nỗi lợi ích vô vi biến thành công đức hữu vi. Huống hồ là tham luyến, dính chặt vào thanh, sắc, của cải, lợi lộc ư?

** Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế tâm, chẳng để nó chạy theo bên ngoài. Lâu ngày sẽ tự được thuần nhất. Nói "thành phiến" (tâm biến thành một phiến, một khối) nghĩa là thuần nhất, không tạp vậy.*

** Sơ tâm niệm Phật, lúc còn chưa tự chứng tam muội, ai lại chẳng có vọng niệm? Cốt sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng. Ví như quân hai bên đối đầu nơi chiến lũy, ắt phải giữ vững thành quách bên mình chẳng để quân giặc xâm phạm chút nào, chờ lúc giặc vừa phát tác, mình liền nghênh địch, đánh trả, ắt phải dùng quân Chánh Giác bao vây bốn mặt khiến địch không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất. Chúng nó sợ bị tận diệt bèn khuất phục, quy hàng.*

Điều tối yếu là chủ soái chẳng hôn trầm, chẳng lười nhác, luôn luôn tỉnh táo mà thôi. Nếu một phen hôn trầm, lười nhác thì chẳng những không diệt được giặc, trái lại còn bị giặc diệt. Vì thế người niệm Phật chẳng biết nhiếp tâm thì càng niệm, càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm thì vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến hết sạch. Vì thế bảo:

Học đạo do như thủ cấm thành,

Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,

Tướng quân chủ soái năng hành lịnh,

Bất động can qua định thái bình

(Tạm dịch:

Học đạo hệt như giữ cấm thành,

Ngày phòng sáu giặc, đêm luôn tỉnh,

Tướng quân chủ soái luôn đôn đốc,

Chẳng dấy binh đao, vững thái bình)

** Niệm Phật tâm chẳng quy nhất là do tâm sanh tử chẳng thiết tha. Nếu luôn nghĩ như đang bị nước dâng, lửa đốt, không được cứu viện, luôn tưởng sắp bị chết, sắp đọa địa ngục, tự tâm sẽ quy nhất, chẳng cần phải tìm diệu pháp nào khác. Vì thế trong kinh thường nói: "Nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm". Đấy chính là lời khai thị tối thiết yếu của đấng Đại Giác Thế Tôn, tiếc người đời chẳng chịu chân thật suy tưởng.*

Nỗi khổ địa ngục so với thảm trạng nước, lửa sâu đậm hơn vô lượng, vô biên lần. Nghĩ đến nước cuốn, lửa cháy liền run rẩy, tưởng đến địa ngục lại hờ hững thì:

- Một là vì tâm lực nhỏ chẳng thể hiểu rõ sự khổ đó.

- Hai là khi chính mắt thấy sẽ bất giác hoảng sợ, lông tóc dựng cả lên.

** Niệm Phật cũng là cách để dưỡng khí, điều thần, mà cũng là pháp để tham cứu bổn lai diện mục. Vì sao nói thế? Tâm chúng ta thường luôn rối loạn, nếu chí thành niệm Phật thì sẽ thấy hết*

thảy tạp niệm, vọng tưởng dần dần bị tiêu diệt nên tâm quy nhất. Quy nhất thì tự nhiên thần khí sung mãn, thông suốt.

Ông chẳng biết niệm Phật diệt được vọng ư? Hãy thử niệm, sẽ thấy các thứ vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày sẽ tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật mới thấy được các vọng niệm trong tâm mình. Chẳng niệm Phật sẽ chẳng thấy.

Ví như trong nhà, sạch sẽ không bụi, một ánh nắng lọt qua khe cửa sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ, vọng niệm trong tâm do niệm Phật hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh. Khổng Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy Nghiêu trong canh, thấy Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Đấy là do luôn luôn nghĩ nhớ.

Niệm Phật có khác chi? Do vì Hoặc nghiệp, tâm và miệng của chúng sanh biến thành nhiễm ô, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu A Di Đà Phật, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện.

** Nếu như vọng niệm đầy dạ, qua lại loang loáng, quẩn quanh nơi ý, đó là do chưa thật sự đề khởi chánh niệm. Nếu chánh niệm chân thật, thiết tha thì sẽ khăng khăng chuyên chú vào một cảnh chánh niệm. Như thường nói: "Chế ngự, thuần phục đúng pháp thì giặc cướp cũng như con đỏ. Chế ngự, thuần phục thất cách thì kẻ tay chân cũng thành oan gia".*

Còn thuộc địa vị phàm phu, ai là không phiền não? Phải luôn luôn đề phòng sẵn thì tự nhiên khi gặp cảnh, đụng duyên, chẳng đến nỗi phiền não bạo phát. Ví dù phiền não có phát, vẫn có thể nhanh chóng đề khởi giác chiếu khiến phiền não tiêu diệt. Những cảnh làm phiền não khởi nào phải chỉ có một, chỉ nêu những cảnh dễ khởi phiền não nhất thì chẳng ngoài tài, sắc và những chuyện ngang trái mà thôi.

Nếu biết tiền tài vô nghĩa, hại hơn rắn độc thì thấy tiền tài sẽ chẳng khởi phiền não, chỉ phương tiện cùng người [sử dụng tiền tài], chứ rốt ráo luôn quay về tiền trình [giải thoát] của chính mình, sẽ không có phiền não "hoạn nạn cùng quẫn, cấp bách cầu cứu, tham tiếc tiền tài chẳng bỏ được"!

Về sắc thì đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm luôn nghĩ như chị, như em. Dù gặp gái ăn sương, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không có phiền não "thấy sắc động lòng". Vợ chồng kính trọng nhau như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình nối dõi tổ tông, chẳng dám xem nhẹ họ như vật để hành lạc thỏa dục thì sẽ không có phiền não "đắm dục diệt thân, vợ chẳng thể sanh nở, con chẳng thành người".

Giáo huấn con cái từ nhỏ sẽ không có phiền não "con cái ngỗ nghịch với cha mẹ, bại hoại môn phong". Ngay cả khi gặp cảnh trái ngang, phải sanh lòng thương xót, thương kẻ đó vô tri, chẳng nên so đo. Lại nghĩ do mình đời trước từng não hại kẻ đó; do vậy phải đền nợ cũ, sanh lòng hoan hỷ, sẽ không có phiền não "trả thù kẻ trái nghịch".

Những điều vừa nói trên chỉ dành cho người sơ cơ. Còn nếu là bậc đại sĩ tu lâu do đã thấu rõ Ngã Không nên vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng, giống như đao đã mài bén, vàng đã luyện thuần. Sen nhờ bùn vun bón mới được thanh tịnh, tươi sạch.

** Cái học của người quân tử là vì mình, niệm niệm nhắc nhở mình tự tỉnh. Giác và mộng hệt như nhau, chỉ có công phu đến nơi mới hiểu được. Chỉ là hễ giác liền tu trì ngay, lâu ngày, ngay trong mộng cũng chẳng làm gì lầm lỡ!*

** Người học đạo nặng đạo niệm một phần, sẽ nhẹ phàm tình một phần, đó là lẽ tất nhiên! Người chưa đoạn Hoặc phải thường nỗ lực. Nếu một phen phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ tái phát. Người đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới nên tùy ý hành động, chẳng cần phải kiềm chế, gìn giữ!*

** Tâm tham - sân - si ai nấy đều có. Nếu biết đó là bệnh, thế lực của chúng sẽ khó lừng lẫy được. Ví như giặc vào nhà người, nếu chủ nhân nhà ấy tưởng là người trong nhà thì đồ trân báu của cả nhà sẽ bị nó lén trộm mất sạch. Nếu biết nó là giặc, sẽ chẳng cho nó ở lại nhà mình dù chỉ một khắc, ắt phải đuổi nó đi thật xa khuất mắt, mới hòng tài bảo chẳng bị mất, chủ nhân yên vui.*

Cổ đức bảo: "Bất phạ niệm khởi, đản phạ giác trì" (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm). Tham - sân - si vừa khởi lập tức biết ngay, nó sẽ lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham - sân - si là ông chủ chánh trong nhà mình sẽ giống như nhận giặc làm con, của báu trong nhà ắt phải tiêu tán hết!

** Bị cảnh chuyển là sức "tháo trì" còn nông cạn. Vui - giận dấy động bên trong hiện thành vẻ tốt - xấu ngoài mặt. "Tháo trì" có nghĩa là hàm dưỡng. Nếu coi trọng chánh niệm thì mọi thứ khác đều xem nhẹ. Vì thế, người thật sự tu hành phải mài luyện trong trần lao, khiến cho phiền não, tập khí dần dần bị tiêu diệt thì mới là công phu thực sự.*

** Hãy để chuyện đối trị tập khí, phiền não trong tự tâm lại đó khoan bàn tới. Chỉ hành trì ngoài mặt, công phu bên trong trống rỗng; trái lại còn sanh ngã mạn, coi công - lợi là đức thì càng bị tổn hại nhiều! Ví như ăn cơm phải có rau dưa phụ trợ, lại cũng như thân thể phải dùng áo mão để trang hoàng. Nơi con đường đạo tu hành dài lâu để liễu sanh tử, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Phế sạch các môn khác, chỉ lo đả thất (1) thì còn được. Còn trong lúc thường nhật, nếu chẳng phải là bậc Bồ Tát tái lai (2), chắc chắn chưa có một ai lại không trở thành hạng biếng nhác, ngạo mạn. Bởi lẽ tâm phàm phu thường hay sanh chán.*

Trời sanh ra vật, ắt phải mưa nắng điều hòa, nóng lạnh đắp đổi mới có thể khiến cho mọi vật sanh thành, tạo hóa. Giả sử mưa hoài, nắng mãi, luôn lạnh, luôn nóng thì dưới khắp gầm trời sẽ trọn chẳng có một vật gì! Huống hồ bọn ta tâm như khỉ vượn, chẳng dùng các biện pháp đối trị, lại muốn nó an trụ một nơi, chẳng vọng rong ruổi thì thật là khó lắm, khó lắm! Ai nấy nên tự gắng sức, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng đừng lan man không đầu mối gì hết!

** Cứ hướng ngoại rong ruổi, tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang, học Phật như thế, thật khó được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: "Đạo học vấn không có gì khác cả, cầu sao buông được cái tâm mà thôi". Ông học Phật chẳng biết lắng lòng niệm Phật thì đối với Nho giáo còn chưa thật tuân hành, huống hồ là đối với pháp chân thật lắng tâm của Phật giáo ư?*

Quán Thế Âm Bồ Tát phản văn tự tánh (xoay trở lại nghe nơi tự tánh). Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Kinh Kim Cang không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng trụ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà hành bố thí, cho đến vạn hạnh. Tâm Kinh soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Những pháp này đều là diệu pháp dạy người đối cảnh hiểu biết được tâm. Nếu cứ nhất quyết muốn học rộng hết cả thì chẳng phải là không lợi ích, nhưng vì nghiệp chướng chưa tiêu nên chưa được lợi ích, lại bị mắc bệnh trước!

** Khi làm việc chưa thể niệm tại đâu, tâm tại đó là do chưa đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn,*

tâm vô nhị dụng, nên khó tránh khỏi gián đoạn. Chỉ cần luôn giữ được tâm giác chiếu thì cũng chẳng ngại gì.

** Một sự sắc dục là bệnh chung của toàn bộ người đời. Chẳng những kẻ trung hạ bị sắc mê hoặc; ngay cả người thượng căn, nếu chẳng tự gìn giữ, run sợ, luôn nghĩ kiêng dè thì cũng khó tránh khỏi bị nó mê hoặc. Hãy thử nhìn xem: từ xưa đến nay, không ít bậc hào kiệt phi thường đáng coi là bậc thánh bậc hiền, chỉ do chẳng vượt được cái ải này lại thành ra kẻ hạ ngu, bất tiếu, còn vĩnh viễn đọa lạc trong ác đạo.*

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu lục đạo chúng sanh trong các thế giới tâm chẳng dâm sẽ chẳng sanh tử tiếp nối. Các ông tu tam muội vốn là để thoát trần lao, nhưng chưa trừ dâm tâm, chưa thoát khỏi trần. Người học đạo vốn là để xuất ly sanh tử, nếu chẳng thể đau đáu trừ khử bệnh này nhất định sẽ khó thoát lìa sanh tử".

Như vậy, pháp môn Niệm Phật tuy đới nghiệp vãng sanh, nhưng nếu thói quen dâm dục cố kết sẽ xa cách Phật, khó thể cảm ứng đạo giao. Đối với họa sắc dục này thì không gì bằng đối với hết thảy nữ nhân luôn khởi lên thân tưởng, oán tưởng, bất tịnh tưởng.

Thân tưởng là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, coi người nhỏ hơn như em, với trẻ nhỏ coi như con gái. Dù dục tâm mạnh mẽ, quyết chẳng thể khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Thấy hết thảy nữ nhân đều là mẹ, chị, em gái, con gái mình thì đương nhiên chế ngự được dục, dục không do đâu phát khởi được.

Oán tưởng là phàm thấy mỹ nữ, bèn khởi tâm yêu mến. Do tâm yêu mến đó sẽ đọa ác đạo, bao kiếp dài lâu thọ khổ, chẳng thể xuất ly. Như thế thì cái gọi là mỹ lệ, kiều my còn kịch hại hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, rết dữ, tỳ sương, trầm độc (3) gấp trăm ngàn lần. Với kẻ oán gia cực lớn ấy, vẫn còn quyến luyến, mơ tưởng, chẳng phải là kẻ mê muội quá sức hay sao?

Bất tịnh tưởng là vẻ xinh đẹp rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi, sẽ chẳng can đảm nhìn nữa. Xương, thịt, máu, mủ, phân, tiểu đầm đìa, lông, tóc loạn xị, trọn chẳng có vật nào đáng để người khác yêu thích được cả. Chỉ vì một lớp da mỏng che phủ bèn lầm sanh luyến ái. Bình đẹp đựng phân, không ai ưa mến. Nay lớp da mỏng của mỹ nhân khác gì bình đẹp, những thứ được gói trong da khác gì phẩn uế, sao lại yêu mến lớp da, quên đi các thứ vật dơ chứa trong lớp da đó, khởi lên vọng tưởng miên man?

Nếu chẳng run rẩy, kinh sợ, quyết liệt trừ khử thói quen này, sẽ chỉ thấy người nữ kia tư chất mỹ lệ, đến nỗi mũi tên ái dục đâm thấu xương mà chẳng chịu nhổ ra. Nếu cứ luôn như vậy mà lại muốn sau khi mất chẳng vào trong bụng người nữ, quyết chẳng thể được! Vào bụng người nữ còn khá, vào bụng súc sanh cái thì chẳng biết làm sao! Thử nghĩ đến đấy, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn đối với những cảnh trông thấy chẳng khởi nhiễm tâm thì lúc chưa thấy cảnh phải thường tập ba thứ tưởng nói trên, khi thấy cảnh sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không dù chẳng thấy cảnh nhưng tâm ý vẫn cứ triền miên, rốt cục vẫn bị tập khí dâm dục trói buộc. Bởi thế, phải nhận chân, gột trừ ác nghiệp tập khí thì tự do mới được có phần.

** Bàn đến những ai bị việc đời trói buộc, không cách nào thoát được; nếu trong lúc bị buộc ràng mà có thể chẳng bị chúng xoay chuyển sẽ thoát ngay được những buộc ràng ấy. Như gương chiếu vật, vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng giữ lại. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, dù có bỏ sạch việc đời không còn một việc gì thì tâm vẫn cứ tán vọng, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột sạch.*

Người học đạo phải làm đúng với bổn phận của mình, tận hết bổn phận. Như vậy, dù suốt ngày việc đời bận bịu, vẫn suốt ngày tiêu dao ngoại vật. Câu nói "nhất tâm vô trụ, vạn cảnh câu khai, lục trần bất ố, hoàn đồng Chánh Giác" (nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều khai, chẳng ghét sáu trần,

đều coi chúng là Chánh Giác) là nói về điều này vậy.

** Muốn cho Chân Trí hiển hiện thì hãy nên thường khởi giác chiếu đối với mọi ngôn từ, cử chỉ hằng ngày, chẳng để hết thảy những tình cảm, ý tưởng trái lẽ tạm thời nảy mầm trong tâm. Thường giữ cho tâm này hư minh đỗng triệt (trống không, sáng suốt, thấu suốt) như gương đặt trên đài, gặp cảnh nào hiện bóng cảnh nấy, chỉ chiếu cảnh trước mắt, chẳng bị chuyển theo cảnh, tốt xấu kệ nó, can chi đến mình? Đến chẳng mong chờ, đi chẳng lưu luyến.*

Những tình tưởng trái lẽ nếu vừa mới manh động liền phải nghiêm khắc đối trị, trừ khử cho sạch. Như cùng quân giặc đối địch, chẳng những không cho nó xâm phạm lãnh thổ của mình, mà còn phải chém tướng, đoạt cờ, diệt sạch dư đảng. Phải nghiêm khắc dùng cách chế ngự quân địch như vậy để tự trị mình, đừng lười nhác, đừng sao nhãng. Khắc kỷ, giữ lễ, chú trọng kính, giữ lòng thành. Những khí giới [để tự đối trị mình] thì nên dùng bốn điều không của Nhan Tử, ba điều cảnh tỉnh của Mạnh Tử, cách hạn chế lỗi lầm, tự biết mình sai của ông Cừ Bá Ngọc.

Lại phải nên nhiệt thành kinh sợ [những tình tưởng trái lẽ] như té xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng. Đối địch cùng chúng thì quân oai vang dậy khiến tặc đảng tấm lòng nguội lạnh, hoảng hốt, sợ vướng phải cơn tàn sát diệt chủng nặng nề, chỉ mong hưởng hồng ân vỗ về. Từ đấy, chúng sẽ khuất phục, đầu hàng, quy thuận sự giáo hóa, đổi sạch tâm trước, chăm tu đức sau. Tướng chẳng ra khỏi cửa, quân chẳng đổ máu. Toàn bộ giặc cướp, oán cừu đều thành con đỏ, bọn phản loạn cùng hóa thành dân lành. Trên cai trị, dưới tuân phục, cả nước phẳng lặng, chẳng dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật nên trí tri, do trí tri nên tự khắc sẽ làm sáng tỏ đức sáng (4). Chân thành và minh đức nhất trí thì phàm sẽ thành thánh. Nếu là kẻ căn khí hèn kém, chưa thể tự thâu liễm mình, hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo: ngày làm điều gì, đêm đốt hương bẩm bạch cùng Thượng Đế. Điều gì mình chẳng dám bẩm bạch thì chẳng dám làm.

Ông Viên Liễu Phàm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, mạng do chính mình lập, phước do chính mình cầu, chứ tạo vật (5) chẳng thể tự tiện chiếm quyền. Ông vâng giữ phép Công Quá Cách: hễ khởi tâm động niệm, nói năng, làm gì dù việc thiện hay ác nhỏ nhặt đều ghi lại, ngõ hầu điều thiện ngày càng, điều ác mỗi ngày mỗi diệt.

Lúc đầu, thiện ác xen tạp, lâu dần chỉ còn thiện không còn ác. Vì thế có thể chuyển vô phước thành hữu phước, chuyển yểu thọ thành trường thọ, chuyển không con cháu thành lắm con cháu. Ngay trong đời này đã dự vào bậc thánh hiền, báo hết sẽ cao đăng cõi Cực Lạc. Việc làm trở thành khuôn mẫu cho đời, lời nói trở thành pháp thức cho đời. Họ là trượng phu, ta cũng như thế, sao lại tự khinh đến nỗi đành chịu thua kém vậy?

** Nếu như căn cơ hèn kém, chưa thể chứng nhập, nếu ước trên Sanh Diệt Môn để luận về nguyên do, hậu quả thì là do mê tâm đuổi theo cảnh, hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, khiến toàn thể trí huệ, đức tướng biến thành vọng tưởng, chấp trước. Vì thế, phải nên chú trọng chỗ tinh yếu, chú trọng chuyên nhất, chấp trì thánh hiệu Di Đà, tin thật, nguyện thiết, mong cầu vãng sanh Tây Phương.*

Hành trì lâu ngày, tâm và Phật như một, chẳng lìa ý niệm hiện tại, triệt chứng Ngũ Uẩn là Không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt; trí huệ, đức tướng cũng không còn. Do tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh; chẳng lìa ngay nơi này, thầm nhập cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi cách này là cách để chúng ta rốt ráo an thân lập mạng mà thôi!

** Người sống trong thế gian huyễn trụ mấy mươi năm. Kể từ khi có hiểu biết đến nay, ngày đêm*

tính toán bộn bề, ngổn ngang, không điều gì chẳng phải là để nuôi thân mình cùng người nhà, giữ thể diện, sao cho con cháu quý hiển mà thôi! Xét cội nguồn căn bệnh ấy, chỉ là do chấp trước có Ngã, chẳng chịu buông xuống. Nỗi lo nghĩ ấy dính chắc, dù Đức Phật có vì mình thuyết pháp cũng chẳng hiểu nổi. Trái lại, còn chẳng thèm bận tâm đến diện mạo vị chủ nhân sẵn có của chính mình, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, trầm luân muôn kiếp, chẳng đáng buồn ư?

** Tu hành trọng yếu là đối trị tập khí phiền não. Tập khí giảm một phần, công phu tiến một phần. Có kẻ càng ra sức tu hành, tập khí càng phát động; ấy là do chỉ biết tu trì theo sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, khắc trừ vọng tình trong tâm chính mình nên mới đến nỗi thế. Hãy nên thường sắp sẵn cách đề phòng thì gặp cảnh đụng duyên, tập khí sẽ chẳng phát.*

Nếu bình thời biết được thân tâm mình đây toàn là huyễn vọng, trọn chẳng thể cầu được thật thể, thật tánh của cái Ngã. Đã không có Ngã sao còn có chuyện vì cảnh, vì người nảy sanh phiền não? Đấy chính là phương pháp giải quyết tối thượng thiết yếu vậy.

Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã là Không thì hãy dùng pháp Ngũ Đình Tâm Quán đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm Quán là dùng năm pháp để điều hòa, ngưng lắng cái tâm khiến tâm an trụ, chẳng bị cảnh chuyển). Tức là: Chúng sanh lắm tham dùng Bất Tịnh Quán, chúng sanh nhiều sân dùng Từ Bi Quán, chúng sanh hay tán loạn dùng Sổ Tức Quán, chúng sanh ngu si dùng Nhân Duyên Quán, chúng sanh nhiều chướng dùng Niệm Phật Quán.

** Tham nghĩa là thấy cảnh bèn sanh lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do Ái mà sanh. Nếu có thể đối với thân mình, thân người, từ trong ra ngoài, quán sát kỹ mỗi thứ sẽ chỉ thấy cáu ghét, mồ hôi, đờm, rãi, tóc, lông, răng, móng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bẩn như nhà cầu! Ai còn sanh tâm tham ái đối với vật ấy? Tham ái đã dứt thì tâm địa thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt hòa lẫn, như lụa trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự ít công nhiều, lợi ích khó nghĩ được.*

** Sân là thấy cảnh tâm khởi giận dữ, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận là do với các chuyện muốn được như ý thì cần phải có người làm, có chút việc gì trái ý liền sanh sân nộ. Nhẹ thì dùng lời ác chửi mắng, nặng thì roi, gậy đập thẳng cánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng.*

Lại khi sân tâm khởi lên, chẳng những vô ích cho người khác, chính mình cũng bị tổn. Nhẹ thì tâm ý nóng nảy, bực bội; nặng thì gan lẫn mắt bị tổn hại. Vì thế, thường giữ được một khối nguyên khí thuần hòa trong tâm thì tật bệnh tiêu diệt, phước thọ tăng trưởng.

Xưa kia, vua A Xà Thế cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, lúc lâm chung vì người hầu cầm quạt đuổi ruồi đứng hầu lâu đâm ra mê mệt, để quạt rớt trúng mặt vua. Vua sanh tâm sân hận, ngay khi ấy mạng chung. Do một niệm ấy, liền thọ thân mãng xà. Do sức túc phước còn biết được nhân, bèn cầu sa-môn giảng cho Tam Quy Ngũ Giới, liền thoát thân mãng xà, sanh lên trời. Do đấy biết rằng thói quen sân hận tai hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở". Cổ đức bảo:

Sân thị tâm trung hỏa,

Năng thiêu công đức lâm.

Dục học Bồ Tát đạo,

Nhẫn nhục hộ sân tâm.

(Sân là lửa trong tâm,

Đốt sạch rừng công đức,

Muốn học đạo Bồ Tát.

Nhẫn nhục ngừa tâm sân)

Đức Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân tu Từ Bi Quán như sau: coi hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ thì hãy nghĩ đến ân đức nuôi nấng trong những đời trước, thẹn chưa báo đáp được, lẽ đâu với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt lại ôm lòng phẫn nộ? Họ đã là chư Phật trong vị lai, ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Mình còn chưa giải quyết sanh tử trọn vẹn, phải mong họ đến độ thoát cho.

Chẳng những với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt không sanh sân nộ; dù là chuyện táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận. Vì thế, lúc Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não đều tưởng [người cầu xin những thứ ấy] là thiện tri thức, tưởng là ân nhân, tưởng là người thành tựu Vô Thượng Bồ Đề Đạo cho mình. Cứ xem phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm sẽ tự biết.

Hơn nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với một niệm tâm tánh của Phật không hai. Chỉ vì mê trái bổn tâm, chấp chặt Ngã Kiến, nên hết thảy các duyên đều thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên sẽ đều ghim vào đó. Nếu biết được tâm ta chính là tâm Phật, tâm Phật trống không, vô sở hữu, hệt như hư không, sâm la vạn tượng không gì chẳng bao quát trong ấy.

Lại cũng như biển cả, trăm sông, các dòng, không dòng nước nào biển chẳng hứng nhận, như trời che khắp, như đất bình đẳng nâng đỡ, để tự lập đức. Nếu ta vì sự trái ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận, chẳng phải là đã thu hẹp cái lượng, tự chôn vùi cái đức hay chăng? Dù có đủ Phật tâm lý thể, nhưng khởi tâm động niệm toàn dùng sự phàm tình, nhận vọng là chân, lấy tớ làm chủ. Nghĩ như thế thật đáng hổ thẹn.

Nếu bình thời luôn nghĩ như thế thì tâm lượng rộng lớn, không gì chẳng dung được, thấy người cũng hệt như mình, chẳng thấy đây kia, gặp nghịch cảnh còn nhận xuôi theo được, huống hồ là chuyện bất như ý nhỏ nhặt lại sanh nóng giận hay sao?

** Gọi là kẻ ngu si chẳng phải là nói về kẻ hoàn toàn vô tri thức, mà chính là nói đến những người trong đời đối với cảnh duyên thiện ác, chẳng biết đấy đều là do túc nghiệp chuốc lấy nên hiện tại cảm thọ, bảo lầm là không có nhân quả báo ứng và hết thảy chúng sanh đời trước, đời sau v.v..., chẳng có con mắt trí huệ. Chẳng phải là hạng chấp Đoạn, cũng là phường chấp Thường.*

Họ bảo con người bẩm thọ khí huyết cha mẹ mà sanh ra. Trước lúc sanh ra, vốn chẳng có vật gì; cũng như chết đi, thân hình đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm sao có đời trước và đời sau được? Bọn nho sĩ câu nệ, hủ bại phương này (tức Trung Hoa) đa phần nói như vậy.

Chấp Thường là nói người luôn là người, vật luôn là vật, chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình tùy tâm chuyển. Thời cổ có kẻ cực độc đang còn sống biến ra thân rắn, người cực tàn bạo đang khi còn sống biến thành thân hổ. Đang khi còn sống, nghiệp lực mãnh liệt còn biến đổi được thân; huống hồ chết đi, trước khi tái sanh, thức bị chuyển biến theo sự lôi kéo của nghiệp ư? Bởi vậy, Phật nói mười hai nhân duyên chính thức là luận về ba đời. Nhân trước ắt cảm quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Thiện áo báo ứng, họa phước xảy đến đều do mình làm, mình chịu, chẳng phải trời giáng. Bất quá trời chỉ là người đứng ra thừa hành thôi. Sanh tử tuần hoàn chẳng có cùng cực. Muốn khôi phục bổn tâm để liễu sanh tử mà bỏ "tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" sẽ chẳng thể được!

Ba thứ tham - sân - si là cội gốc sanh tử. Ba thứ Tín - Nguyện - Hạnh là diệu pháp liễu sanh tử. Muốn bỏ ba pháp kia (tham - sân - si) để tu ba pháp này (tín - nguyện - hạnh) thì ba pháp này đắc lực, ba pháp kia tự diệt. Một pháp quán Sổ Tức bất tất phải dùng. Hãy nên trong lúc niệm Phật, lắng tai nghe kỹ, cách nhiếp tâm này tương tự phép Sổ Tức, nhưng lực dụng hơn phép Sổ Tức một trời, một vực. Phép quán Niệm Phật nên đọc trong Ấn Quang Văn Sao và các trước thuật Tịnh Độ sẽ biết.

** Hỏi: Nếu như nói dù táng thân mất mạng cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận thì giả sử có kẻ ác muốn đến hại mình, mình chẳng lo toan gì, cứ mặc cho nó sát hại mình ư?*

Đáp: Phàm người tu hành, có kẻ là phàm phu, có người là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chánh, có người chỉ lấy việc liễu giải tự tâm làm trọng. Nếu là hạng chỉ lo liễu giải tự tâm và hàng Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì sẽ hành động như đã nói. Bởi lẽ, họ thấy mình và vật hệt như nhau, sanh tử như một.

Nếu là hạng phàm phu, muốn duy trì thế đạo thì cứ an lòng học theo Bồ Tát thâm từ đại bi, không gì là chẳng dung. Xử sự vẫn thuận theo lẽ thường thế gian: hoặc là dùng cách khuất phục, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng nhân từ để cảm hóa... nhiều cách khác nhau; nhưng trong tâm trọn chẳng được hung tợn, nóng giận, cố kết oán hận.

Những điều nói trong đoạn trước là nêu tình huống giả tưởng để [người tu nhờ đó] tiêu diệt tập khí nóng giận. Nếu phép quán này thành thục, tập khí sân hận tự diệt, dù gặp phải cảnh thật sự hại đến thân cũng vẫn giữ được tâm thản nhiên, thực hiện đại bố thí. Nhờ công đức ấy liền sanh Tịnh Độ. So với việc giết chóc lẫn nhau, bao kiếp dài lâu đền trả, chẳng phải là khác biệt một trời, một vực đấy ư?

** Sân tâm chính là thói quen từ đời trước. Nay cứ nghĩ mình đã chết, mặc cho dao chặt hay hương bôi cũng chẳng can dự gì đến mình. Với tất cả những cảnh chẳng thuận tâm, do nghĩ mình đã chết, sân làm sao còn khởi được nữa?*

** Nói đến sân tâm là nói đến thói quen từ đời trước. Nay đã biết sân là có hại, vô ích, đối với hết thảy các sự hiện hữu hãy nên dùng lượng biển rộng trời cao để dung nạp. Như vậy thì tập tánh rộng rãi trong đời này sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong những đời trước. Nếu chẳng gia công đối trị, tập khí sân hận càng tăng, tai hại chẳng nhẹ.*

Còn khi niệm Phật thì phải căn cứ trên tinh thần, khí lực của mình để làm chuẩn mà niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm và kim cang niệm (tức là niệm có tiếng se sẽ, người khác chẳng nghe thấy. Những người trì chú gọi cách này là kim cang niệm). Chẳng được quá mãnh liệt đến nỗi mắc bệnh. Cái tâm quá mãnh liệt ấy cũng là cái bệnh "dục tốc" (mong cho mau đạt kết quả).

Nếu nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, há trong tâm chẳng niệm thầm được hay sao? Sao lại chỉ hạn chế trong mười niệm? Huống hồ lúc bệnh nằm trên giường, há nên để tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng niệm gì hoặc niệm chuyện khác? Sao bằng càng niệm nhiều danh hiệu Phật?

Lúc ấy phải nên giao gấp mọi việc cho người nhà làm thay, luôn nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, trong tâm không còn dính mắc sự gì. Dùng tâm thanh tịnh ấy nhớ tưởng Phật tượng và thầm niệm Phật danh cũng như tượng Quán Thế Âm Bồ Tát và danh hiệu ngài. Nếu thật sự làm được như thế thì nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, bệnh tật thuyên giảm, thân tâm khang kiện.

Bệnh của các hạ thuộc về túc nghiệp, niệm Phật quá mạnh mẽ tạo duyên cho bệnh phát hiện, chẳng phải hoàn toàn do niệm Phật quá mãnh liệt nên mắc bệnh. Nếu ông chẳng niệm Phật thì cũng do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trên đời, kẻ không niệm Phật rất nhiều, há không có một ai cũng mắc phải căn bệnh đó, cứ khoẻ mạnh mãi ư? Hiểu được điều này sẽ chẳng tự lầm lẫn mà bảo là niệm Phật đến bệnh, chỉ tổn hại, không ích lợi gì!

** Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà thành. Ông chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật thì bệnh tự thuyên giảm, ma tự rời xa. Còn như tâm ông chẳng chí thành, hoặc khởi các ý niệm bất chánh như tà dâm v.v... thì toàn thể cái tâm đọa trong hắc ám, khiến ma quấy nhiễu. Lúc niệm Phật xong, hồi hướng, ông nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời quá khứ, khiến họ đều thấm đẫm lợi ích niệm Phật của ông, siêu sanh thiện đạo.*

Ngoài ra chẳng quản đến gì hết. Ma có phát ra tiếng thì cũng chẳng quan tâm đến rồi sợ hãi. Nó im hơi lặng tiếng, cũng chẳng quan tâm đến mà sanh hoan hỷ. Chỉ chí thành, khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, mà phước huệ thảy đều tăng trưởng. Khi xem kinh điển, chẳng được làm như kẻ đời nay đọc sách, trọn chẳng có chút nào cung kính, phải [trân trọng] dường như Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm mới được lợi ích thật sự. Nếu ông làm được như vậy thì tâm địa chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia không còn đất dung thân nữa!

Nếu tâm ông tà trước thì tà chiêu cảm tà, làm sao có thể khiến cho chúng xa lìa, không quấy nhiễu được? Quỷ thần dù có Tha Tâm Thông, nhưng thần thông của chúng nhỏ và gần. Nếu nghiệp tận, tình không sẽ hệt như gương báu đặt trên đài, có hình liền hiện bóng. Ông chẳng chí tâm niệm Phật, lại toan nghiên cứu chân tướng này, chẳng biết tâm này liền thành "ma chủng" (dòng giống ma).

Ví như gương báu chẳng có mảy may trần cấu sẽ tự chiếu trời soi đất. Cái tâm ông bị trần cấu phủ kín dày chặt, lại muốn được [chiếu sáng] như vậy, khác nào tấm gương bị bụi phủ dày kín trọn chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu có phát sáng cũng chỉ là ánh sáng yêu quái, chẳng phải ánh sáng của gương! Hãy bỏ việc đó ra ngoài tâm tưởng, hãy nên như lâm nạn lửa, nước, như cứu đầu cháy mà niệm Phật thì không nghiệp hay ma nào chẳng tiêu cả.

** Người học đạo phàm gặp các thứ chẳng như ý chỉ nên dùng đạo để hiểu. Cảnh nghịch xảy đến bèn vui lòng chịu, dù có gặp phải những sự nguy hiểm gì, lúc ấy cũng chẳng đến nỗi kinh hoàng, thất chí, làm điều thất thố. Chuyện đã qua hãy để cho nó qua như giấc mộng đêm trước, sao còn ủ mãi trong lòng đến nỗi thành bệnh hoảng hốt? Ông đã muốn tu hành, phải biết hết thảy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm vời.*

Lại phải nên biết: Chí thành niệm Phật sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện thương thiên tổn đức thì sợ cái gì chứ? Người niệm Phật thiện thần hộ hựu (bảo vệ, giáng phước), ác quỷ tránh xa, sợ cái gì cơ chứ? Nếu ông cứ sợ mãi sẽ bị vướng ma sợ, rồi oán gia trong vô lượng kiếp thừa dịp tâm ông hoảng sợ đến dọa nạt ông, khiến ông mất trí hóa cuồng để báo oán xưa.

Chớ có nói: "Nếu tôi còn niệm Phật, chỉ sợ thình lình sẽ bị như thế". Chẳng biết rằng toàn thể chánh niệm của ông đã quy vào nỗi sợ, nên khí phần xa cách Phật, tương thông với ma, chẳng phải Phật không thiêng! Do tâm ông đã mất chánh niệm nên đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích toàn phần vậy!

Chỉ mong ông thấy chữ viết của Quang, bèn quyết liệt gột bỏ tâm trước. Ông chỉ một chồng, một vợ còn lo nỗi gì? Dẫu cho nghiệp chướng hiện tiền, sợ gì chẳng tiêu diệt được nó? Chỉ vì chẳng sợ nên giữ được chánh niệm, thành ra làm việc gì cũng đích đáng, chân thần ổn định nên tà chẳng thể xâm.

Nếu không, do tà chiêu tà, túc oán đổ tới, gặp sự không làm chủ được, hành động hoàn toàn thất thố, chẳng đáng buồn ư? Tôi nay vì ông tính kế: Hãy nên buông bỏ hoài bão, chẳng nên toan tính hết thảy mọi việc, chẳng nên đảm đương, lo lắng mọi việc, chỉ sợ hành vi có tỳ vết, chẳng sợ họa hoạn, quỷ thần.

** Nếu bệnh khổ đến hồi kịch liệt chẳng chịu đựng nổi thì ngoài việc sáng chiều niệm Phật, hồi hướng ra, hãy chuyên tâm dốc chí niệm nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân trong sát-na, tầm thanh cứu khổ. Người gặp cơn nguy cấp nếu có thể trì tụng, lễ bái Ngài thì không ai là chẳng được cảm ứng, rủ lòng từ gia hựu khiến thoát khổ não, hưởng yên vui vậy.*

** Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Như Tử Trọng ruột bị loét nặng, thầy thuốc bảo không giải phẫu không xong. Bà thím Tư của ông chẳng đành lòng nên chẳng chữa, cùng Đức Chương liều mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang. Năm ngày khỏi bệnh. Bệnh này đáng kể là cực nặng, cực nguy hiểm, nhưng chẳng chữa, sau năm ngày liền lành. Bệnh điên của Tử Tường thuộc về túc nghiệp, bà thím Tư của ông do chí thành lễ tụng, nửa năm liền khỏi.*

Cha ông đã quy y Phật pháp, lẽ ra nên tin lời Phật, chẳng nên tin theo thầy thuốc Tây, phải đến bệnh viện của họ để chữa. Nếu như hết thảy bệnh đều phải được thầy thuốc trị mới lành, không thầy thuốc chẳng xong thì từ thời cổ, hoàng đế và những kẻ phú quý lẽ ra vĩnh viễn không bệnh tật, cũng vĩnh viễn chẳng bị tử vong. Thế nhưng kẻ bần tiện vừa ít bệnh vừa sống lâu, người phú quý lắm bệnh lại thường đoản thọ. Đó là vì cớ gì? Một là do mình tự tạo thành bệnh, hai là thầy thuốc gây ra bệnh. Do hai công năng tạo tác này, muốn thoát bệnh khổ có được hay chăng?

Mong ông thưa cho cha hiểu, bất tất phải lên Thượng Hải tìm thầy thuốc Tây, cứ ở nhà cầu nơi đại y vương A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ tự có thể chẳng cần đến thuốc mà lành bệnh. Cầu thầy thuốc Tây chỉ hy vọng chừng một nửa, cầu đại y vương may ra thân thể sẽ được mạnh, mà dù thân thể chưa khoẻ lại, thần thức chắc chắn thấy thư thái. Nếu sai lầm muốn được mạnh liền, bỏ hết những giới đã trì khi trước, thật chẳng khác nào rạch thịt để tự bị thương, chỉ tổn hại không ích gì. Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, Trung Quốc có bệnh gì cũng chẳng trị được ư? Bởi vậy nên buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm sẽ cảm ứng đạo giao, tự có thể lành bệnh hoàn toàn.

** Nghiệp chướng nặng, tham sân mạnh mẽ, thân yếu đuối, tâm khiếp nhược thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các bệnh sẽ tự lành. Phẩm Phổ Môn nói: "Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ xa lìa được [những sự ấy]". Niệm Phật cũng thế, chỉ nên tận tâm kiệt lực, chẳng hề ngờ vực thì không cầu cũng được.*

** Mỗi ngày ngoại trừ lúc phải làm mọi việc thuộc bổn phận mình ra, hãy chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng tối đối trước Phật, kiệt thành tận kính, khẩn thiết sám hối túc nghiệp từ vô thỉ. Lâu ngày như thế sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng hay, chẳng biết. Kinh Pháp Hoa dạy: "Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát liền được ly dục". Với sân hận, ngu si cũng thế. Như vậy thì chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà, Quán Âm, ba thứ Hoặc: tham, sân, si sẽ tự tiêu diệt.*

Hơn nữa, nay đang lúc cõi đời hoạn nạn, ngoài việc niệm Phật ra, nên niệm thêm thánh hiệu Quán Âm, trong âm thầm sẽ có sự chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn, kẻo đến lúc túc nghiệp bất

chợt hiện đến, không cách chi tránh thoát.

** Quán Thế Âm Bồ Tát trong kiếp quá khứ đã thành Phật từ lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, chỉ vì lòng từ bi thiết tha, dù an trụ trong cõi Thường Tịch Quang, vẫn hiện thân trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy là thường hiện thân Phật, Ngài cũng còn hiện đủ các thân Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và thân trời - người, sáu nẻo. Tuy Ngài thường hầu Di Đà nhưng hiện thân khắp trong mười phương vô tận pháp giới. Đó là: Hễ chỉ có lợi ích thì không điều gì ngài chẳng vận dụng. Nên dùng thân nào để độ được, Ngài liền hiện thân đó để thuyết pháp cho người đáng độ.*

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích. Muốn cho chúng sanh có nơi để gieo tấm lòng thành nên Bồ Tát thị hiện ứng tích nơi núi đó; nào phải Bồ Tát chỉ ngự trong núi Phổ Đà, chẳng ở nơi khác đâu? Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, vạn con sông in bóng. Dù nhỏ như một chước, một giọt nước, nơi nơi đều hiện toàn bộ khuôn trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, trăng chẳng thể hiện phân minh.

Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát, Bồ Tát liền ngay trong niệm ấy, sẽ ngầm hoặc hiển nhiên [gia hộ] khiến [người niệm] được lợi ích. Nếu tâm chẳng chí thành, chẳng chuyên nhất thì cũng khó cứu hộ. Nghĩa này rất sâu, hãy nên đọc bài Thạch Ấn Phổ Đà Sơn Chí Tự (bài tựa cho bản in thạch (lithography) cuốn Phổ Đà Sơn Chí) trong Ấn Quang Văn Sao sẽ biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm vì khi tu nhân, Ngài do quán và nghe nơi tánh mà chứng viên thông và lúc đã đắc quả, Ngài xem xét âm thanh xưng danh hiệu Ngài để ban cho sự cứu giúp. Vì thế Ngài tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát rộng lớn không ngằn mé, tùy thuận khắp căn tánh của hết thảy chúng sanh, khiến cho họ biết đường về nhà, chẳng lập riêng một môn nào. Chẳng hạn, như trong đời có ngàn căn bệnh thì cũng phải có vạn loại thuốc, chẳng thể chấp chặt vào một pháp nào. Tùy theo họ mê nơi đâu và chỗ nào họ dễ ngộ mà Bồ Tát chỉ điểm cho. Như sáu căn, sáu trần, bảy đại, pháp nào cũng có thể dùng để chứng viên thông. Vì thế bất cứ pháp nào cũng là cửa để ra khỏi sanh tử, thành Chánh Giác. Vì thế gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ được!

3. Luận về việc gìn lòng lập phẩm

** Nếu cảnh ngộ chẳng tốt lành thì hãy nên nghĩ đến việc lùi một bước. Hãy thử nghĩ, trong đời, người hơn ta cố nhiên là nhiều, người thua ta cũng chẳng phải là ít. Chỉ mong chẳng đói chẳng lạnh, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo thiên mệnh, an vui với hoàn cảnh. Như vậy còn có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, huống hồ là chẳng chuyển nổi ưu khổ thành an lạc sao?*

Nếu tật bệnh triền miên thì nên đau đáu nghĩ thân là gốc khổ, sanh cực chán lìa, tận lực tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy đạt thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Phải biết rằng phàm phu đầy dẫy triền phược nếu không có các nỗi khổ: bần cùng, tật bệnh v.v... sẽ suốt ngày rong ruổi trong trường thanh sắc danh lợi chẳng hề thỏa. Trong lúc hiển hách, đắc ý, ai chịu quay đầu tưởng đến lúc chìm đắm mai sau?

Mạnh Tử nói: "Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho ai thì trước đó sẽ khiến kẻ đó tâm chí khổ sở, gân xương mỏi mệt, thân thể đói khát, thân thể trống trải, nhiễu loạn hành vi của họ ngõ hầu tâm họ khởi tánh Nhẫn, tăng trưởng [khả năng làm được] những điều mình chưa thể làm được". Do đó, ta biết rằng những người được trời thành tựu phần nhiều gặp nghịch cảnh, con người chỉ nên

thuận theo mạng trời nhận lãnh [nghịch cảnh].

Cái "trách nhiệm lớn" Mạnh Tử đã nói đó chỉ là tước vị trong thế gian mà còn phải lo buồn, vất vả như thế mới khỏi phụ lòng trời. Huống chi bọn ta là phàm phu sát đất muốn trên thì tiếp nối đạo giác của đấng Pháp Vương, dưới thì giáo hóa pháp giới hữu tình, nếu chẳng bị nghèo đói thử thách đôi chút thì Phàm Hoặc ngày thêm lừng lẫy, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bổn tâm, vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không thời gian nào mong thoát khỏi được! Cổ đức nói:

Bất kinh nhất phiên hàn triệt cốt,

Tranh đắc mai hoa phác tỵ hương,

(Chẳng trải một phen lạnh thấu xương,

Dễ đâu hoa mai thơm ngát mũi!)

Chính là nói về ý này vậy.

Chỉ nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi tâm phiền bực, oán trời trách người, bảo là nhân quả hư huyễn, Phật pháp chẳng thiêng!

** Ông Cừ Bá Ngọc đến tuổi năm mươi biết bốn mươi chín năm trước là sai trái. Khổng Tử tuổi chừng bảy mươi, còn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học Dịch hầu khỏi mắc lỗi lớn. Thánh hiền học hỏi không vị nào là chẳng mong muốn hiểu đến chỗ rốt ráo. Các nho gia cận đại chỉ học từ chương, chẳng bận tâm đến chánh tâm thành ý. Tuy suốt ngày đọc sách, trọn chẳng biết ý lưu lại sách vở để răn đời của thánh hiền. Nếu lời nói, hành vi của mình đem đọ với lời nói, hành vi của thánh hiền mà sáng - tối chẳng hợp nhau, tròn - vuông chẳng khớp nhau, chẳng nên gấp suy xét tới từng điểm sai biệt ẩn kín, nhỏ nhặt ư?*

Kinh Phật dạy người ta thường hành sám hối ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Dù địa vị đến bậc Đẳng Giác như Di Lặc Bồ Tát vẫn trong mười hai thời lễ thập phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, huống những kẻ kém hơn Ngài [chẳng học theo vậy] ư? Kẻ phàm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hổ thẹn, chẳng tu sám hối, dù nhất niệm tâm tánh bình đẳng với Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp ngăn lấp nguồn tâm chẳng thể hiển hiện được.

** Đối với việc dứt ác làm lành, dựa trên thực tế mà suy xét thì không gì hay bằng Công Quá Cách. Nhưng nếu tâm chẳng thành kính, dù suốt ngày ghi công, chép lỗi, cũng chỉ là hư văn!*

Ở nơi đây chưa có sách Công Quá Cách, nhưng theo tôi thấy, chỉ nên chú trọng lòng thành, giữ lòng kính, trong suốt mười hai thời, chẳng có một niệm hời hợt, một tướng lười nhác, xao nhãng. Đối xử với thế nhân chỉ giữ lòng trung thứ (trung hậu và khoan dung) thì tự nhiên trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, ác niệm chẳng thể khởi từ đâu được. Giả như do túc tập sai khiến, ngẫu nhiên ác niệm phát sanh, vì luôn ôm ấp lòng thành kính, trung thứ, sẽ tự có thể hễ niệm khởi liền nhận biết ngay. Hễ đã giác thì ác niệm liền không, quyết chẳng đến nỗi để nó tăng trưởng khiến cả ba nghiệp phải xuôi theo.

Sở dĩ kẻ tiểu nhân dối làm lành chứ thật sự là làm ác, là do nghĩ rằng người khác chẳng biết tới. Họ chẳng hiểu rằng người chẳng biết họ chỉ là những phàm phu trong thế gian mà thôi! Nếu là bậc thánh nhân đắc đạo, cố nhiên sẽ biết họ tường tận. Thiên địa, quỷ thần dù chưa đắc đạo, nhưng do được báo Tha Tâm Thông nên cũng sẽ biết họ tường tận. Huống hồ là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật! Tha Tâm Đạo Nhãn của các vị ấy thấy trọn tam thế như nhìn vật

đang đặt trong lòng bàn tay. Muốn không ai biết thì chỉ có mình không biết mới được mà thôi!

Nếu chính mình đã biết thì tất nhiên thiên địa, quỷ thần, Phật, Bồ Tát v.v... không vị nào là chẳng biết, chẳng thấy cả! Nếu biết nghĩa này, dù ở trong phòng tối, nhà kín cũng chẳng dám biếng trễ, xao nhãng; dù ở nơi người khác không biết đến vẫn chẳng dám manh nha làm ác bởi thiên địa, quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát đều biết. Nếu chẳng biết hổ thẹn nhưng hiểu được nghĩa này rồi thì cũng sẽ hổ thẹn không cùng vậy; huống hồ là người chân thật tu hành ư?

Vì thế muốn ít phạm lỗi thì phải bắt đầu từ chỗ sợ thánh phàm cùng biết, cùng thấy. Xem gương tiên triết ăn canh, nhìn tường, dù ở một mình hành vi chẳng cẩu thả, chẳng thẹn với bóng áo (6), vẫn còn là những cách nói thiển cận ước theo sự thấy biết của thế gian đó thôi! Thật ra, bản thể tâm ta cùng bản thể mười phương pháp giới tương hợp khít khao. Do ta mê nên sự thấy biết bị hạn cuộc trong một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng pháp giới tạng tâm sẵn có trong tự tâm nên hết thảy hữu tình trong pháp giới khởi tâm động niệm, các ngài đều hay biết cả. Vì sao thế? Do cùng bẩm thọ Chân Như, tự - tha chẳng hai vậy. Nếu biết nghĩa này thì sẽ tự sợ hãi, kiêng dè, giữ lòng thành kính, thoạt đầu phải gắng sức dứt vọng, lâu ngày vọng sẽ chẳng khởi được nữa.

** Việc giảm thiểu lầm lỗi thật sự là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Ông Cừ Bá Ngọc đến năm năm mươi tuổi, thấy cả bốn mươi chín năm trước mình đều sai trái. Nếu ai nói muốn bớt lỗi nhưng chưa làm được, [thì nên biết là] phải thật sự dụng công nơi ý, chứ chẳng phải hễ thân khẩu vừa phát động liền có lỗi đâu! Tại gia cư sĩ hằng ngày cùng người cư xử phải luôn đề phòng trong mỗi khắc. Nếu không, chẳng những ý nghiệp không tịnh mà thân khẩu cũng thành ra ô uế, bất tịnh. Muốn cả mình lẫn người cùng được lợi thì không gì bằng lấy những hành vi của vị danh nhân đã nói ở trên (tức Cừ Bá Ngọc) làm khuôn phép, gương mẫu vậy.*

** Muốn học theo Phật, Tổ liễu sanh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, ăn chay, tự răn nhắc, ý thật chân thành, thiết tha. Phải thực sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ hư dối. Biết chẳng khó, làm được mới khó. Mấy kẻ thông minh trong thế gian đều chỉ nói được, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay! Đáng xót, đáng tiếc thay!*

** Phàm phu còn mê, tín tâm bất định; vì thế có tật lắm phen tin rồi lại ngờ, lắm phen đã tu rồi lại tạo nghiệp, cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu, chỉ từ nhân quả thiển cận mà khởi sự sẽ chẳng đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến tu tập Tịnh nghiệp, dốc chí tự lợi, lợi tha thì tội chướng như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh sáng rạng. Vì thế, kinh nói: "Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: một là người chẳng tạo tội; hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối".*

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc, chứ chẳng uống thuốc, nhất định chẳng hy vọng gì lành bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc, sẽ tự được lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh thì chỉ uổng mang hư danh, không mảy may lợi ích thật sự.

** Cảnh không tự tánh, tổn hại hay lợi ích toàn do người. Ba nghiệp, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi) thường giữ như "tứ vật" (bốn điều đừng) của Nhan Uyên. Ngũ giới, thập thiện khác gì "tam tỉnh" (ba điều tự cảnh tỉnh) của Tăng tử. Trong nhà tối tuy không ai thấy nhưng thiên địa, quỷ thần*

đều biết. Niệm mới manh nha nhưng tội phước ẩn nhiệm đã rạch ròi như trời với vực. Nếu thường tu tỉnh được như thế thì tất cả hành động đều là thiện, ác chẳng sanh từ đâu được. Đây chính là quy mô sâu rộng của chánh tâm thành ý, chớ nói là nhà Phật phiền toái, chẳng giản dị, nhanh tắt như Nho gia!

** Người niệm Phật đối với sự sự phải trung thứ, tâm tâm luôn đề phòng tội khiên. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa mạnh mẽ làm ngay thì mới hợp với Phật. Người như thế quyết định vãng sanh. Nếu chẳng như thế là trái nghịch với Phật, quyết khó cảm thông!*

** Kinh Pháp Hoa nói: "Tam giới không yên, hệt như nhà cháy. Các khổ đầy dẫy, thật đáng kinh sợ". Vì thế, để thành tựu con người, trời phải có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có phước, có họa, vốn chẳng nhất định. Nhưng người trong hoàn cảnh ấy nếu có cái nhìn thấu suốt sẽ thấy không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước. Vì thế, quân tử vui biết mệnh trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người, an vui theo hoàn cảnh, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!*

Vì thế họ chẳng phú quý mà hành như đang hưởng phú quý (chữ Hành ở đây hàm ý ung dung, tự tại. Phú là cứu giúp khắp mọi người bần cùng. Quý là tận tụy với vua, giúp đỡ dân), chẳng bần tiện mà hành như bần tiện (nếu trong nhà không tiền của, thân chưa ra làm quan thì thanh bần giữ khí tiết, chẳng dám làm bậy), chẳng phải mọi rợ mà hành xử như mọi rợ (ý nói: Nếu vì lòng tận trung bị sàm tấu, bị vua biếm truất ra miền xa như các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Lưỡng Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây), Hắc Long Giang v.v... thì tâm bình, khí hòa, trên chẳng oán vua, dưới chẳng hận người sàm tấu, tự coi mình giống như người dân đang sống tại những vùng ấy), chẳng hoạn nạn mà hành như đang hoạn nạn (nếu như chẳng những bị đày, còn bị trừng phạt. Nhẹ thì bị đánh đập, giam cầm, nặng thì bị chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt tộc. Nhưng vẫn cứ chẳng oán vua, chẳng hận gian đảng. Nếu tự mình làm được như thế, khi gặp người gieo vạ còn giữ được như thế, huống hồ khi trời gieo vạ, há có nên oán hận chăng? Người như vậy người yêu mến, trời bảo vệ, ngay trong đời này hoặc trong đời sau, hoặc con cháu người đó nhất định sẽ hưởng phước báo vô cùng xứng với đức ấy).

** Phàm là người bỏ lỗi theo lành và tu Tịnh nghiệp, chỉ quý ở chỗ chân thành, tối kỵ giả dối. Chẳng được ngoài mặt phô trương cái danh làm lành tu hành, trong lòng bất trung, bất thứ. Ông Cừ Bá Ngọc năm năm mươi tuổi thấy bốn mươi chín năm trước mình toàn làm quấy. Có vậy mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, là bậc danh giáo công thần, là con đích thực của đức Như Lai. Vì thế, tôi chẳng quan tâm đến kẻ Tăng, người tục ấy là thành đạt hay cùng quẫn chi cả!*

** Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phải biết nhân hiểu quả. Hành vi nơi thân, ý niệm nơi tâm phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh vì chẳng cảm ứng đạo giao vậy! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc thì vạn người chẳng sót một ai đều được vãng sanh cả!*

** Nói về những quy luật phải giữ ngoài việc ăn chay trường niệm Phật là nói đến việc chăm chắm bền lòng hiếu thuận, thành kính giữ trọn vẹn luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Tâm nghĩ, niệm khởi chẳng hề tà vạy, khuất khúc và hư ngụy. Làm việc cho người phải tận hết trách nhiệm. Gặp người hữu duyên, khuyên họ nhập đạo. Các hành tướng như vậy chẳng*

cần phải thuật đủ. Chỉ siêng xem Ấn Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư sẽ tự biết.

Phải biết rằng: là đệ tử Phật, phàm làm gì phải vượt trội hơn hành vi thế tục thì chính mình mới đạt được lợi ích chân thật, khiến cho người khác trông thấy làm lành theo. Nếu miệng nói tu hành, trong tâm chẳng lành, đối với cha mẹ, anh em và hết thảy người đời chẳng trọn hết bổn phận thì người như thế gọi là "ngụy thiện nhân"! Nhân địa đã giả dối, làm sao đạt lợi ích thật sự? Cái học của thánh hiền đều bắt đầu từ "cách vật trí tri, thành ý chánh tâm"; huống muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh [lại chẳng như thế] ư? Về [ý nghĩa của] "cách vật trí tri" nên xem lời tựa bản in lại sách chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và lời tựa cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn.

** Các việc ác và các điều thiện đều là dựa trên tâm địa mà luận, chứ chẳng phải chỉ nói về sự tướng mà thôi. Trong tâm đã chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm ấy là Phật, công đức hơn hẳn người thường trăm ngàn vạn lần. Muốn cho cõi lòng chỉ thiện không ác thì trong hết thảy lúc, hết thảy nơi, hãy nên giữ lòng thành kính như đối trước trời Phật mới hòng đạt được. Nếu tâm vừa mới phóng túng thì các ý niệm chẳng đúng pháp sẽ theo đó mà khởi!*

** Niệm Phật phải khéo phát tâm. Tâm làm chủ việc tu trì. Tâm nếu phù hợp với bốn hoằng thệ nguyện thì niệm Phật một câu, làm một điều lành, công đức vô lượng vô biên; huống hồ là ba nghiệp thân - khẩu - ý luôn đặt nơi niệm Phật lợi sanh?*

Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng mong lợi người, dù làm nhiều việc vẫn đạt được công đức rất ít. Huống hồ lại còn có ý khuynh đảo người, hại người, và tâm tự khoe khoang, hợm hĩnh thì việc mình niệm Phật đó, việc mình làm đó dù chẳng phải hoàn toàn không công đức, nhưng trong trăm ngàn vạn ức phần, mình chỉ thật sự đạt được một phần rưỡi thôi! Thế nhưng tội lỗi của ác niệm cũng lại chẳng ít. Bởi vậy, người tu hành ai nấy phải khéo phát tâm, chứ chẳng riêng gì người niệm Phật!

** Phải biết rằng Phật pháp vốn chẳng lìa thế gian. Tất cả những bạn trong liên xã ai nấy đều phải trọn vẹn bổn phận của mình. Như cha hiền con hiếu, anh rộng lượng, em cung kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v... Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, phóng sanh, chẳng ăn mặn, uống rượu, ngăn điều tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha; [lấy những việc như vậy] làm trách nhiệm của mình. Như thế thì nền tảng vững vàng, ngay ngắn, đáng thọ pháp nhuận. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh thượng phẩm.*

Kẻ ngu trong đời phần nhiều thường không tu hành thật sự, chỉ mong được cái hư danh là tu hành chân thật. Vì thế, bày ra đủ mọi cách tô son trát phấn thành ra những trò trông giống như thật nhưng chỉ là giả, chỉ mong người khác khen ngợi mình. Tâm hạnh họ đã dơ bẩn quá đỗi, dù có tu trì cũng bị tâm ấy làm bẩn, quyết khó được lợi ích chân thật. Đấy gọi là "háo danh ố thật" (thích danh ghét thật), là điều đại kỵ bậc nhất cho việc tu hành.

Nếu ai thực hiện những điều nên làm đã nói ở phần trước, không có những điều nên tránh như đã nói ở phần sau, người ấy là người hiền trong thế gian, là bậc Khai Sĩ trong Phật pháp. Dùng thân mình làm gương cho mọi người, từ trong nhà ra đến làng xóm, từ làng xóm đến thành ấp, cho đến toàn quốc và tứ thiên hạ thì lễ nghĩa hưng thịnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, từ thiện nẩy nở, tai hại chẳng sanh, mới hòng thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc!

** Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham - sân - si, tránh giết - trộm - dâm, tự lợi, lợi người mới hợp ý Phật. Nếu không, tâm trái với Phật,*

cảm ứng đạo giao bị gián cách, chỉ gieo nhân đời sau, khó được quả hiện đời. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp tâm Phật, tâm khẩu tương ứng thì người như thế đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng tất nhiên hiện đến tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Một phen sanh về Tây Phương liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các vui. Đấy là toàn cậy vào Phật lực, chẳng bàn đến công đức là cạn hay sâu, có Hoặc hay không Hoặc! Chỉ đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định vạn người chẳng sót một.

** Người học đạo an tâm lập hạnh ắt phải chất trực, trung chánh, chẳng được có mảy may thiên lệch, tư vị, cong vẹo nào. Nếu có chút thiên lệch, tư vị, cong vẹo nào sẽ giống như cái cân có mấu cân chẳng chuẩn, cân các vật nặng nhẹ đều sai! Như tấm gương thể chất chẳng sạch, chiếu các vật đẹp xấu chẳng đúng. Sai chỉ hào ly, mất cả ngàn dặm. Sai lầm lan truyền, không sao dứt được.*

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: "Thập phương Như Lai đồng một đạo nên xuất ly sanh tử đều dùng trực tâm". Do tâm lẫn lời nói đều ngay thẳng như thế cho đến địa vị Chung Thỉ, trong khoảng thời gian ấy vĩnh viễn không có các tướng ủy khúc. Kinh Thư nói: "'Nhân tâm nguy ách, đạo tâm tế nhị, ròng chuyên một mối, đừng chấp hai bên".

** Quán kinh dùng hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp và thọ trì Tam Quy, các giới: Cụ Túc... chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng [kinh điển] Đại Thừa để khuyến tấn hành giả dùng đó làm chánh nhân cho Tịnh nghiệp. Với mười một điều này, chỉ có một điều "dùng tín nguyện sâu xa, hồi hướng vãng sanh" thì đều được như nguyện.*

*4. **Luận định các pháp tu trì***

** Trộm nghĩ pháp môn tu trì có hai thứ khác nhau. Nếu cậy vào sức mình để tu Giới - Định - Huệ hòng đoạn Hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử thì gọi là những pháp môn thông thường. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, mong nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương thì gọi là pháp môn đặc biệt.*

Pháp môn thông thường toàn cậy vào tự lực, pháp môn đặc biệt gồm cả tự lực và Phật lực. Dù có công tu Định Huệ, đoạn Hoặc sâu, nhưng không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu vãng sanh thì vẫn thuộc về Tự Lực. Nay dùng ví dụ để chỉ rõ. Đường lối tu thông thường giống như vẽ tranh sơn thủy, phải vẽ từng nét bút mới từ từ thành hình. Còn pháp môn đặc biệt như chụp cảnh sơn thủy, dù núi non, cây cỏ um tùm cách mấy, chụp một cái là đủ hết cả.

Đường lối tu thông thường lại như ra đi bằng đường bộ, người mạnh nhất mỗi ngày đi chẳng quá một trăm mười dặm. Pháp môn đặc biệt như ngồi trên luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày bay đi khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta đã chẳng có khả năng thành Phật ngay lập tức, lại chẳng thực sự chứng "đoạn Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo nghiệp"; nếu chẳng chuyên tu Tịnh Nghiệp để nhờ vào Phật lực đới nghiệp vãng sanh, chỉ e đến tận đời vị lai, vẫn ở trong tam đồ, lục đạo, thọ sanh, thọ tử, không cách nào xuất ly, chẳng đáng buồn ư? Nguyện những đồng nhân của tôi gấp sanh chánh tín.

** Một pháp Niệm Phật ước có bốn loại, nghĩa là: Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng. Chỉ mỗi mình pháp Trì Danh thâu nhiếp căn cơ rất rộng, hạ thủ dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi bị ma sự!*

Nếu muốn tu Quán, phải đọc kỹ Quán Kinh, hiểu sâu xa "tâm này làm Phật, tâm này là Phật" và "tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng phải đến từ bên ngoài", chỉ do tâm hiện, đừng sanh chấp trước. Đã không chấp trước thì cảnh càng thêm thâm diệu, tâm càng thêm tinh nhất. Làm được như vậy thì quán tưởng được lợi ích chẳng nhỏ.

Nếu cảnh quán chẳng thuần thục, chẳng hiểu rõ Lý, dùng tâm gấp rút vọng động muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể đều là vọng, chẳng tương ứng với cả Phật lẫn tâm, đọa vào ma thai. Nhân đó, vọng động muốn thấy cảnh thì tâm càng thêm vọng động, ắt đến nỗi phát động oan gia trong nhiều đời hiện ra những cảnh giới. Cái nhân ban đầu đã chẳng chân, làm sao biết được cảnh ấy là do ma nghiệp hiện? Liền sanh đại hoan hỷ, tình thức chẳng tự yên nên ma sẽ dựa thân, mất trí thành cuồng. Dù cho Phật sống hiện thân cứu độ, cũng chẳng làm gì được! Nên tự lượng căn tánh, chớ toan tính chuyện cao xa để đến nỗi mong được lợi hóa ra thành tổn hại!

Hòa Thượng Thiện Đạo dạy: "Mạt Pháp chúng sanh thần thức chao đảo, tâm thô cảnh tế, quán khó thành tựu. Cho nên đức Đại Thánh thương xót riêng khuyên nên trì danh vì xưng danh dễ, trì danh liên tục liền được sanh". Đúng là Ngài sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm đến nỗi lạc vào cảnh ma. Hãy tự xét kỹ! Hơn nữa, Trì Danh chí thành khẩn thiết cũng là một diệu pháp để tiêu trừ ma cảnh vọng động. Hãy nên dốc kiệt tâm lực thực hành mới nên!

** Chớ nói: Duyên tưởng một Đức Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều Đức Phật. Phải biết rằng A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, mình đức Phật A Di Đà đã hoàn toàn trọn đủ. Như các hạt châu nơi lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong một hạt châu, một hạt châu chiếu khắp ngàn hạt châu. Nêu một gồm thâu toàn bộ, chẳng thiếu, chẳng dư!*

Nếu là bậc Đại Sĩ tu lâu, duyên cảnh rộng lớn chẳng ngại gì! Cảnh càng rộng, tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học, nếu duyên cảnh rộng tâm thức sẽ phân tán, nhưng chướng sâu huệ cạn, rất có thể khởi các ma sự. Cho nên đức Phật Thế Tôn ta và lịch đại chư Tổ đều dạy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lẽ ấy. Đợi đến khi niệm Phật chứng được tam muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa thảy đều đầy đủ. Cổ nhân bảo:

Dĩ mộc đại hải giả,

Tất dụng bách xuyên thủy,

Thân đáo Hàm Nguyên điện,

Bất tu vấn Trường An?

(Đã tắm trong biển cả,

Ắt dùng nước trăm sông.

Thân đến điện Hàm Nguyên,

Hỏi Trường An chi nữa?)

Có thể nói là rất khéo hình dung vậy!

** Chớ có nói một pháp Trì Danh là thiển cận, rồi bỏ pháp này, tu các pháp Quán Tượng, Quán*

Tưởng, Thật Tướng! Trong bốn pháp niệm Phật, chỉ có mỗi Trì Danh là khế cơ bậc nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiển lộ toàn thể, diệu cảnh Tây Phương triệt để phô bày trọn vẹn. Tức là trì danh mà chứng được Thật Tướng, chẳng quán tưởng mà thấy cùng tột cảnh Tây Phương.

Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Nay những người dạy lý quán pháp đều chẳng hiểu rõ. Nếu tu Quán Tưởng, Thật Tướng lỡ bị ma dựa, há có phải là biến khéo thành vụng, cầu thăng hóa đọa. Hãy nên tu hạnh dễ hành, sẽ tự cảm được diệu quả.

** Như Lai thuyết pháp vốn là để thích ứng căn cơ. Vì thế mới có việc vì Thật bày Quyền, hiển Quyền khai Thật, năm thời giáo hóa. Lại vì cậy vào tự lực để liễu thoát thì khó, cậy Phật lực để liễu thoát thì dễ. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để ba căn thượng, trung, hạ đều hưởng lợi ích, cùng chứng Bất Thoái.*

Đời có kẻ ham cao chuộng trội, chẳng xét thời cơ, cứ đem những pháp phần đông chẳng khế ngộ nổi để dạy người tu tập. Ý họ tuy rất lành, nhưng ước về giáo pháp thì chẳng thích hợp với căn cơ, cho nên dụng sức rất nhiều mà kẻ được lợi ích lại ít!

** Trước khi chưa đắc Nhất Tâm, trọn chẳng thể móng khởi ý niệm thấy Phật. Đạt được Nhất Tâm thì tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, chẳng thấy cũng không ngại gì. Nếu muốn gấp thấy Phật, tâm niệm rối bời, ý niệm muốn được thấy Phật kết chặt trong dạ, trở thành đại bệnh cho việc tu hành. Lâu ngày, kẻ oán gia trong nhiều đời thừa dịp tình tưởng vọng động, dối hiện thân Phật để đòi oán cũ. Tự mình tâm không chánh kiến, toàn thể thuộc về khí phận ma, vừa thấy liền sanh hoan hỷ. Do đấy, ma nhập tim gan, bị ma dựa phát cuồng. Dù có Phật sống cũng chẳng làm gì được!*

Chỉ nên gắng đạt Nhất Tâm, quản chi thấy Phật hay không? Nhất Tâm rồi sẽ tự biết rõ. Nếu chẳng thấy Phật thì do công phu vượt tiến liền thấy, lại càng thêm một dạ chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ được lợi ích vượt trội.

Trong đời, kẻ chẳng hiểu lý mới tu trì chút ít đã mong mỏi quá phận mình. Ví như mài gương, nếu bụi dơ đã hết, chắc chắn quang minh sẽ hiện ra chiếu trời, soi đất. Nếu chẳng tận lực mài, cứ mong gương tỏa sáng, do toàn thể là nhơ bẩn nên nếu có phát quang thì ánh sáng ấy cũng là ánh sáng ma quái, chứ nào phải ánh sáng của gương!

Quang tôi chỉ sợ ông chẳng khéo dụng tâm, lỡ ra bị mất lợi lành, khiến tín tâm người khác bị lui sụt, nên mới viết thư bày tỏ. Tổ Vĩnh Minh nói: "Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ". Nay tôi bắt chước Ngài nói: "Chỉ mong đạt Nhất Tâm, lo gì thấy, chẳng thấy!" Biết vậy rồi thì hãy nên dốc sức để tâm hợp với đạo của Phật vậy!

** Đóng cửa Phương Tiện, cự tuyệt sự vụ chẳng cấp bách, thật là hữu ích.*

** Khi bế quan dụng công, nên lấy "chuyên tinh bất nhị" làm chánh. Nếu tâm được chuyên nhất sẽ tự được cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa được Nhất Tâm, tâm chớ vọng động cầu cảm thông. Sau khi Nhất Tâm, nhất định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh nhất. Có thể nói là như gương sáng đặt trên đài, hình đến liền hiện bóng, hình tự lăng xăng, can gì đến ta? Tâm chưa chuyên nhất, đừng cầu cảm thông; bởi cái tâm cầu cảm thông đó chính là một chướng ngại lớn bậc nhất cho việc tu đạo. Huống hồ do vọng động mong cầu thái quá, rất có thể các ma sự*

khởi, phá hoại tịnh tâm!

** Việc cắt máu chép kinh có thể hoãn lại đó, trước hết nên lấy nhất tâm niệm Phật làm trọng. E rằng vì máu hao tinh thần suy nhược, lại hóa thành chướng ngại. Thân có an thì đạo mới vượng. Còn thuộc địa vị phàm phu đừng bắt chước khổ hạnh của bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chỉ cần được nhất tâm thì pháp nào cũng trọn vẹn hết!*

** Đối với pháp Quán Tưởng, nếu chẳng minh bạch về mặt Lý, quán cảnh chưa thành thục thì chẳng được có tâm vọng động mong chóng đạt. Người có chí trấn định chẳng dời tu pháp này thì tổn nhiều, ích ít. Còn Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh thuộc về đường lối chung trong hết thảy pháp môn thuộc toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Như Chỉ Quán bên Thiên Thai Tông, tham cứu hướng thượng của nhà Thiền v.v... đều thuộc đường lối này cả. Những pháp nói đó đều là niệm Đức Phật tự tánh thiên chân....*

Niệm đức Phật Thật Tướng như vậy nói có vẻ dễ, nhưng tu chứng khó nhất. Chẳng phải bậc Đại Sĩ tái lai, có ai chứng được ngay trong đời này? Do khó khăn ấy, lẽ đương nhiên cách Trì Danh niệm Phật đáng nên khen ngợi, khuyên tu. Hiểu điều này rồi mà còn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy!

Do Thật Tướng hiện hữu trong hết thảy pháp, một pháp Trì Danh chính là một đại pháp môn vừa là Sự vừa là Lý, vừa cạn, vừa sâu, vừa là tu, vừa là tánh, là phàm tâm nhưng lại là Phật tâm. Với Trì Danh mà hiểu được thể của nó chính là Thật Tướng thì [đạt] lợi ích sâu rộng. Bỏ Trì Danh để chuyên tu Thật Tướng thì vạn người tu, cũng khó được một hai kẻ thật chứng! Cứ xem quả báo của những vị Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng v.v... sẽ thấy được lẽ trên. Với một việc liễu sanh thoát tử há cứ dùng chí to, lời lẽ to lớn mà thành tựu được nổi sao?

** Niềm vui niệm Phật chỉ người chân thật niệm Phật mới biết được nổi. Nhưng phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm mà niệm, chẳng được chấp vào tướng ngoại cảnh. Nếu không cõi lòng chẳng thông, quán đạo chẳng thuần thục, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng biết rõ thì nguy lắm! Phải nhớ kỹ, nhớ kỹ! Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ khó được mấy ai! Đem ý niệm tham học với khắp các bậc tri thức đổi thành nhất tâm niệm Phật thì lợi ích to lớn. Nếu không, chỉ thành ra uổng công nhọc nhằn bôn ba mà thôi!*

** Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm chính là niệm đến lúc tương ứng, dù thường niệm Phật, nhưng trọn không có tướng khởi tâm động niệm (lúc chưa tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm thì chẳng niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng thường luôn xưng niệm hoặc ức niệm một câu Phật hiệu; nên nói "niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm". Đừng hiểu vô niệm là không niệm. Vô niệm nghĩa là không có tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng niệm niệm chẳng gián đoạn. Cảnh giới này chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu lầm!*

** Một pháp Quán Tưởng tuy hay, nhưng phải hiểu rõ tượng Phật mình thấy đó thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu tưởng đó là cảnh ngoài tâm, rất có thể bị ma dựa phát cuồng. Chẳng thể không biết! Duy tâm sở hiện là cảnh tượng ấy tuy rành rẽ phân minh, nhưng thật chẳng có vật gì. Nếu tưởng là ngoại cảnh, cho là đành rành thật có thì liền thành ma cảnh. [Khi tu Quán] nhắm mắt, mở mắt cốt sao thích hợp là được.*

** Người khác dạy người chú trọng vào chỗ huyền diệu. Quang tôi dạy người đa phần chỉ dẫn những điều họ có thể tận sức làm được. Nếu chẳng thể tận sức mình, dù có luận tới tột nguồn, tận đáy của mỗi một pháp trong Thiền hay Giáo cũng chỉ thành "tam thế chư Phật oan" mà thôi, huống gì chưa phải là chuyện tột nguồn, tận đáy ư?*

** Không tín - nguyện niệm Phật so với tham thiền, khán thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng mình chưa đoạn được Hoặc, sẽ chẳng thể liễu thoát bằng tự lực! Thêm nữa, không có tín - nguyện chẳng thể được Phật tiếp dẫn liễu thoát, vẫn là pháp môn thông thường cậy vào tự lực để chứng đạo, thật chẳng thể dễ dàng. Chớ bảo "tín nguyện cầu sanh" là hèn kém! Hoa Nghiêm hải hội cùng lấy mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh là chỗ quy kết cuối cùng cho kinh Hoa Nghiêm. Huống hồ những pháp ngữ, những lời dạy của các Bồ Tát, Tổ Sư trong Tịnh Độ đều chỉ dạy tín nguyện cầu sanh.*

** Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng hành giả nên bắt đầu từ phép quán dễ, hoặc là quán tướng bạch hào của Như Lai, hoặc phép quán thứ mười ba là tạp tưởng quán. Còn như quán về chín phẩm chẳng qua là để hành nhân biết được tiền nhân, hậu quả của việc vãng sanh mà thôi, chỉ cần hiểu rõ là được; bất tất phải đặt riêng làm phép quán.*

Chẳng thể chẳng biết lý của Quán, về mặt sự của tu quán thì phải hành từ từ. Nếu như chẳng hiểu rõ mặt lý, quán cảnh chẳng phân minh, dùng tâm tháo động thô phù để tu, có thể tạo thành ma sự. Tức là khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm chợt vọng sanh ý niệm vui mừng, sẽ do vui thành chướng, có thể bị thoái thất cái tâm ban đầu.

Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: "Tâm chẳng cho là cảnh thánh, gọi là cảnh giới lành. Nếu cho là thánh giải liền vướng quần tà". Chỉ mỗi cách Nhất Tâm Trì Danh là hạnh ngàn phần ổn thỏa, vạn bề thích đáng, đợi đến khi tâm quy nhất, tịnh cảnh sẽ tự hiện tiền.

** Phải biết lý " Pháp Thân vào trong tâm tưởng" [nói trong Quán Kinh] rất sâu. Tâm là Phật, tâm làm Phật sự vốn bình thường. Bình thường phi thường, rất sâu chẳng sâu. Phải viên ngộ mới gọi là "đạt nhân" (người thấu hiểu). Còn phép quán thứ mười ba là riêng vì chúng sanh căn cơ kém cỏi mở cửa phương tiện, dạy họ quán thân Phật trượng sáu hoặc tám thước.*

Trong phép quán thứ mười sáu, lại dạy những kẻ ác nghiệp nặng nề xưng danh hiệu. Do xưng danh liền được vãng sanh. Do đấy biết rằng: Tướng có lớn nhỏ, Phật vốn là một. Chẳng thể quán tưởng, [chỉ cần] xưng danh liền được lợi ích. Suy nghĩ kỹ điều này sẽ biết một pháp Trì Danh thật là bậc nhất. Hành nhân đời mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này có nên bỏ phí của báu một hạnh Trì Danh này chăng?

** Người đời này hơn quá nửa chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Có được một phần hay nửa phần, bèn nói là có đến trăm ngàn vạn phần. Như trong sách Ngữ Lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới ông ta thuật đều là chuyện do ngòi bút vẽ vời, chứ chẳng phải cảnh do tâm tạo. Cố nhiên ông chẳng nói dối, nhưng tôi thật sự e rằng không chừng ông vướng phải tập khí này, họa ấy chẳng nhỏ.*

Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để phòng tệ này. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy là thuộc về tội vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa đặt cảnh giới thù thắng là phạm đại vọng ngữ giới. Nếu chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo là chứng, tội đó

nặng hơn giết - trộm - dâm trăm ngàn vạn ức lần. Người ấy nếu chẳng tận lực sám hối, khi một hơi thở ra không trở vào nữa sẽ đọa ngay vào địa ngục A Tỳ vì hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh lầm ngờ vậy.

Ông phải rất thận trọng, cảnh mình thấy chỉ một phân chẳng được nói một phân mốt, cũng chẳng thể nói là chín ly chín. Nói quá thì mắc tội, nói giảm cũng không được. Vì sao vậy? Bởi tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhãn, chỉ có thể dựa vào lời đã nói để phán đoán mà thôi. Thuật cùng tri thức cảnh giới ấy để nhờ họ chứng minh là tà hay chánh, là đúng hay sai thì không sao. Nếu chẳng vì chứng minh, chỉ muốn khoe khoang cũng có lỗi! Nếu nói với hết thảy mọi người, cũng có lỗi. Ngoại trừ việc cầu tri thức chứng minh, đều chẳng được nói ra. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Đây chính là ải thứ nhất cho người tu hành, trong Thiên Thai Tông đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ những người tu hành gần đây nhiều kẻ bị ma dựa đều là do tâm vọng động, gấp rút mong được cảnh giới thù thắng. Đừng kể cảnh ấy là ma cảnh, dù cảnh ấy đích thị là cảnh thù thắng, nhưng nếu cả một đời tâm cứ hoan hỷ, tham trước v.v... sẽ vẫn bị tổn, chớ chẳng được ích, huống hồ cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm chẳng vọng động, gấp rút, không tâm tham đắm, thấy các cảnh giới cũng như chẳng thấy, chẳng sanh tâm hoan hỷ, đắm trước, cũng lại chẳng sanh tâm hoảng hốt, kinh nghi thì đừng nói là cảnh thù thắng hiện bèn được lợi, dù cảnh ma hiện cũng vẫn hưởng lợi ích! Vì sao vậy? Vì chẳng bị ma chuyển, nên có thể thăng tiến. Tôi chẳng thường nói lời này với người khác, vì ông có những sự ấy nên chẳng thể không nói.

Tượng Đại Sĩ ông được thấy lúc mới lễ Phật là không đích xác. Nếu đích thực là tượng Ngài thì sẽ chẳng vì ông nghĩ tượng đó chẳng khớp với Quán kinh mà ẩn. Nhưng vì điều đó tín tâm của ông càng khẩn thiết thì cũng là một nhân duyên tốt, nhưng chẳng nên mong thường thấy tượng. Chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, mong ông đừng nghĩ gì khác. Lúc ngủ thấy ánh sáng trước mắt và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng trên hư không tuy là thiện cảnh, nhưng đừng tham đắm. Từ đây về sau đừng lấy đó làm điều mong mỏi, các tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa.

Xem căn tánh của ông có lẽ đời trước từng tu tập Thiền Định nên mới nhiều lần thấy những tướng ấy. Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy ở tại núi Thiên Mục, bế quan tĩnh tu trên đỉnh núi cao. Lâu ngày bèn có tiên tri, dự đoán được trời sẽ âm u hay quang đãng, họa phước của người. Ông ta quy y với Liên Trì đại sư. Đại sư nghe chuyện gởi thư cực lực quở trách, bảo ông ta lọt vào lưới rập của ma. Sau ông không biết nữa.

Phải biết rằng: Người học đạo phải biết điều gì là quan trọng; nếu không, được lợi ích nhỏ nhặt, bị tổn hại lớn lao. Đừng kể đến những cảnh giới ấy, dù có thật sự đắc Ngũ Thông cũng còn phải không đếm xỉa gì tới, mới hòng chứng được Lậu Tận Thông. Nếu một phen tham đắm sẽ khó thể tiến lên, thậm chí còn thoái đọa. Chẳng thể chẳng biết!

** Người tu Tịnh nghiệp chẳng đặt nặng các thứ cảnh giới nên không cảnh giới nào phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới rất nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, có thể bị tổn hại, chẳng thể chẳng biết.*

** Đàm Bích Vân cứ mong gấp chứng. Chẳng phải riêng mình ông ta mắc phải căn bệnh này, hết thảy người học Phật đa số đều phạm phải căn bệnh này. Đã có bệnh ấy, chẳng những chiêu cảm ma sự, mà còn chưa chứng nói là đã chứng. Phải biết rằng: Tâm vốn là Phật, do phiền não chưa trừ, phải oan uổng làm chúng sanh. Chỉ khi tiêu diệt được phiền não thì Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện.*

Giống như mài gương chỉ mong sạch chất dơ, chẳng mong phát quang. Như thầy thuốc chữa mắt, hễ màng mộng mất đi, mắt sẽ tự sáng lại. Còn lúc chất dơ chưa sạch, màng mộng chưa khử, dù có muốn phóng đại quang minh, há có thể được chăng? Nếu phát quang, đấy chính là yêu ma biến hiện, chứ chẳng phải là quang minh chân chánh của gương hay mắt. Đối với những người sơ phát tâm, hãy nên đem ý này bảo cho họ biết.

** Người niệm Phật hãy nên tâm niệm được vãng sanh ngay trong đời này. Nếu chưa đến lúc báo thân đã mãn, chỉ nên tùy duyên. Nếu muốn định thời hạn, mong được vãng sanh (tức là mong được vãng sanh vào một thời điểm nhất định nào đó), nếu như công phu đã thành thục, lẽ cố nhiên chẳng trở ngại gì. Bằng không, một cái tâm mong cầu ấy sẽ trở thành ma căn. Nếu như vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng gỡ bỏ được thì nguy hiểm chẳng thể nói nổi. Dốc hết lòng thành đến hết báo thân này chính là điều chúng ta nên tuân hành. Chứ còn chấm dứt tuổi thọ để cầu chứng chính là điều bị Giới kinh (Luật tạng) quở trách nặng nề (Cuối kinh Phạm Võng có bài kệ:*

Kế ngã trước tưởng giả,

Bất năng sanh thị pháp,

Diệt thọ thủ chứng giả,

Diệc phi hạ chủng xứ.

Tạm dịch:

Chấp ngã, dính mắc tưởng,

Chẳng sanh nổi pháp này.

Diệt thân cầu được chứng,

Chẳng phải điều nên làm)

Chỉ nên dốc trọn thành kính, cầu mau được vãng sanh. Chẳng nên định kỳ hạn mong nhất định được vãng sanh. Người học đạo tâm chẳng được thiên chấp. Thiên chấp thì rất có thể đến nỗi mất trí thành điên, chẳng những vô ích, còn có hại nữa. Nếu Tịnh nghiệp thuần thục, vãng sanh ngay ngày hôm nay là tốt. Nếu chưa thuần thục lại muốn được vãng sanh ngay thì khác nào kéo mạ cho nó mau lớn.

Thật ngại một phen ma sự khởi, chẳng những tự mình chẳng thể vãng sanh, mà còn khiến kẻ vô tri lui giảm tín tâm, cho là: "Niệm Phật chỉ tổn hại, không ích lợi gì, cứ coi gương tầy đình của ông X. thì cái hại ấy chẳng cạn cợt vậy!" Xin hãy đem cái tâm "quyết định lập kỳ hạn" ấy đổi thành cái tâm "chỉ nguyện mau được vãng sanh". Dù chẳng mau được vãng sanh cũng chẳng phàn nàn, chỉ càng chí thành, chí kính, chỉ mong báo tận liền được vãng sanh là được. Không gấp rút, vọng động, khăng khăng bám chắc đến nỗi chiêu cảm ma sự!

*5. **Khuyên hành nhân nỗ lực***

** Người sống trong thế gian, có đủ tám nỗi khổ. Dù sanh trên trời khó tránh ngũ suy (7). Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Kinh dạy: "Tam giới vô an, do như hỏa trạch, chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy" (Ba cõi không yên giống như nhà lửa, các khổ dẫy đầy rất đáng kinh sợ). Mạng người vô thường, lẹ như ánh chớp. Đại hạn xảy đến, ai nấy chẳng thể chiếu cố cho nhau. Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng.*

Đối với những điều ấy chẳng tỉnh ngộ, tận lực tu Tịnh nghiệp thì cùng sanh trưởng như gỗ, đá vô tình trong vòng trời đất vậy. Là trang nam nhi có huyết tánh, há chịu làm thây đi thịt chạy, chết mục nát với cỏ cây! Đề cao cảnh thánh nhưng tự ở chốn phàm phu, gặp lời răn nhắc lớn lao mà chẳng phát phẫn, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ vẫn chẳng chịu tin thì là trời phụ người hay người phụ trời đây?

** Tâm gặp ác mộng là điềm ác nghiệp đời trước hiển hiện. Dù cảnh hiện ra có thiện hay ác, nhưng chuyển biến được cảnh chính tại nơi mình! Ác nghiệp hiện nhưng chuyên tâm niệm Phật thì nhân duyên ác thành nhân duyên lành, ác nghiệp đời trước biến thành đạo sư đời này. Tiếc là người đời phần nhiều bị nghiệp trói buộc, chẳng thể chuyển biến, đến nỗi lâm vào cảnh đã té giếng còn bị ném đá, khổ càng thêm khổ!*

** Thời này là thời nào? Nam Bắc đánh nhau, trong ngoài đối địch. Ba bốn năm gần đây, người chết bốn năm ngàn vạn. Tự thuở có con người đến nay, chưa từng nghe thấy sự thê thảm như vậy. Lại còn gió lốc, nước dâng, địa chấn, ôn dịch nhan nhãn các nơi. Lại còn thêm lụt lội, hạn hán, không năm nào chẳng kèm thêm các tai nạn ấy. Giá cả các thứ mắc gấp mấy lần năm trước.*

Trong lúc này, may còn được sống, dám đâu chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám đâu do may mắn còn được cái thân lại buông lung ý chí, chẳng chuyên chú nhất định vào một pháp, lơ mơ dốc sức vào một pháp môn chẳng khế hợp thời cơ ư? Giả sử một hơi thở ra chẳng hít trở vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt như thế này, chỉ e chẳng có dịp may mắn như thế nữa đâu?

** Thân là gốc để chiêu khổ, chán nhàm bèn được cái nền tảng để hưởng vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại thiện hảo càng nồng hậu, nên báo nặng từ nhiều kiếp chuyển thành vạ nhẹ trong hiện tại. Càng hoạn nạn, đớn đau càng mạnh mẽ tu trì thì những thống khổ trong cõi Sa Bà sẽ là thầy hướng dẫn mình về Cực Lạc. Hãy nghĩ mình đang đền nợ cũ thì những ý tưởng áo não, phiền muộn sẽ tự tiêu. Nếu vẫn còn ôm lòng oán trách thì tội chướng tiếp tục khởi. Cam chịu nghịch cảnh xảy đến mới là kẻ biết vui theo mệnh trời. Chán đây, ưa kia mới là người tu Tịnh nghiệp.*

** Một câu Phật hiệu bao quát hết cả toàn bộ giáo nghĩa Đại Tạng không còn sót gì. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể làm người chân thật niệm Phật, nhưng người cái gì cũng không biết, cái gì cũng chẳng làm được, miệng chỉ biết thưa thốt, cũng vẫn có thể làm người chân thật niệm Phật. Hai hạng người này có chân thật hay không toàn là do tự mình nỗ lực hay không, có hành theo đúng giáo pháp hay không?*

** Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ, kính tin lời Phật quyết định chẳng ngờ, lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, tu hành thật sự nhất định sẽ vãng sanh làm người trong thế giới Cực Lạc. Há nên trong lúc kiếp vận này, toan nhằm thời buổi nguy hiểm, tinh thần hữu hạn, lại thực hiện những pháp vụ chẳng cấp bách hòng được tiếng tăm là bậc đại thông gia để thỏa thể diện, khiến cho một việc chuyên tu của chính mình rốt cục thành hư luống sao?*

** Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù, nếu có thể chuyên ròng tu, dù hết thảy kinh luật đều*

chẳng thông suốt cũng có thể nhanh chóng tháo cũi xổ lồng, cao dự hải hội. Nếu đối với một pháp cậy vào Phật lực này tin chẳng chân thật, không quyết định nương dựa vào pháp này, dù có thông Tông thông Giáo sâu xa cũng chỉ là tam muội nơi cửa miệng. Toan dùng tam muội kiểu môi miếng ấy để liễu sanh thoát tử thật giống như dùng bánh vẽ để đỡ đói, ắt đến bước cùng đường hối hận sâu xa cũng chẳng mảy may có lợi ích gì! Hiện tại đời lẫn đạo chẳng biết tình trạng tương lai ra sao, vẫn còn toan dùng quang âm sắp hết để lo những chuyện chẳng cấp bách ư?

** Cổ nhân nói: "Thiểu thật thắng đa hư. Đại xảo bất như chuyết. Thuyết đắc nhất trượng, bất như hành thủ nhất thốn" (Ít thật hơn hư nhiều. Khéo quá chẳng bằng vụng. Nói cả trượng không bằng làm được một tấc). Chân tâm là ở chính mình, hãy suy nghĩ thấu đáo!*

** Một pháp Tịnh Độ lấy ba điều Tín - Hạnh - Nguyện làm tông. Chỉ có đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha mới dốc chí hành trì được. Gặp cảnh họa hại mới bèn chân thành, khẩn thiết; gặp lúc nhàn nhã, thong dong bèn lơi là, hoãn đãi. Đấy là bệnh chung của phàm phu. Vào lúc này, thời cuộc lẫn tình hình đạo pháp như nằm yên trên đống củi, phía dưới lửa đã bốc cháy, nhưng chưa cháy đến thân. Chớp mắt là toàn thể bừng cháy, khắp cõi không chỗ nào trốn tránh được cả! Sao còn lơi là, xao nhãng qua ngày, chẳng chuyên chí cầu nơi một câu Phật hiệu? Cái tri kiến ấy thiển cận quá đỗi!*

** Đời trước vun bồi huệ căn này cố nhiên chẳng dễ dàng gì. Nếu đối với pháp này chẳng chuyên tinh, dốc cạn sức để mong được tự chứng, có khác gì chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngắn ngủi, mạng người mấy chốc? Một hơi thở ra chẳng trở lại đã qua đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có cả mười ngàn; từ ngộ thêm ngộ, ức kẻ chẳng được một hai! Nỡ để vô thượng pháp khí gặp phải cơn mưa tái sanh liền trở thành bụi đất ư?*

** Chúng ta đã là Phật tử, phải hành Phật hạnh. Dù chẳng phá sạch được vô minh, nhanh chóng khôi phục bổn tánh, tiến thẳng vào Diệu Giác quả hải, chẳng lẽ không thể viên chứng ba tâm (thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), dốc lòng tu Tịnh nghiệp để mong đoạn Hoặc ngay nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên bang, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn lành của các Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, dạo các cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh hay sao?*

Nếu chẳng tự gắng sức, chỉ đề cao thánh cảnh, vẫn cam làm phàm ngu, e rằng cả nửa đời tu trì siêng nhọc phải đành cay đắng vĩnh viễn trầm luân! Mê muội nên châu buộc nơi vạt áo mà đành bỏ phí của báu, lên núi báu trở về tay không. Dùng tánh Chân Như mầu nhiệm có đủ vô lượng công đức, trí huệ, thần thông, tướng hảo để hứng chịu oan uổng vô lượng sanh tử luân hồi, phiền não nghiệp quả, huyễn vọng cực khổ. Chẳng phải là mất trí sanh cuồng, ghét thăng thích đọa, sống làm thịt chạy, thây đi, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi là hạng người đáng thương xót. Những vị đồng luân với tôi hãy nên nỗ lực.

** Trong lúc đường đời nguy hiểm này, hãy nên mở toang tấm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì Tịnh nghiệp. Tất cả cát - hung họa - phước đều chẳng lo tới, tùy duyên ứng biến. Dù cho đại họa trút xuống đầu vẫn nên nghĩ: Những người cùng mắc phải họa này chẳng biết là mấy ngàn vạn ức người? Trong tình thế chẳng làm gì khác được, vẫn còn có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để nương cậy được, há còn lo chi? Lấy việc niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ cậy nhờ vô úy. Mở rộng tâm lượng, đừng thấp thỏm thì bệnh tự nhiên lành, thân yên vui.*

Chẳng biết nghĩa này, dù chưa gặp phải cảnh tai ách đã tự hãm mình trước vào trong tai ách; dù

là Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể cứu nổi. Bởi thế, quân tử không hoạn nạn hành xử như đang bị hoạn nạn, cho nên không điều gì xảy đến mà chẳng tự chủ được!

(1) Đả thất: tham dự Phật thất cùng với đại chúng, hay tự mình kết thất để niệm Phật hay tọa thiền, trì chú v.v... Một thất là bảy ngày.

(2) Tái lai: sanh lại trong nhân gian.

(3) Tỳ sương là chất thạch tín (arsenic), đôi chỗ còn gọi là Nhân Ngôn, rất độc. Trầm là tên một loại chim theo truyền thuyết rất độc. Lông của nó rớt xuống khoảng nước nào, thủy tộc đều chết sạch.

(4) Cách vật trí tri, minh minh đức: Hiểu theo nghĩa thông thường, "cách vật trí tri" nghĩa là nghiên cứu mọi sự nhằm hiểu rõ lý lẽ (vì thế, trước đây những môn nghiên cứu khoa học tự nhiên hay gọi là Cách Trí). Nhưng tổ Ấn Quang hiểu hơi khác. Trong pháp thoại tại Tức Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, Tổ đã giảng như sau: "Họ (chỉ bọn Tống Nho) bảo "trí tri" là suy xét tri thức của mình đến cùng cực, "cách vật" là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay "vật" chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục nên tự tâm bị chướng ngăn; bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chơn tri nhưng không cách nào hiển hiện được. "Cách trừ" (hiểu biết và trừ khử) được tư dục thì chơn tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chơn tri đã hiển thì tâm sẽ chánh, ý sẽ thành!"

(5) Tạo vật: đối với người Tàu, Tạo Vật đồng nghĩa với Tạo Hóa. Không như trong thần học Công Giáo, Tạo Hóa (creator) là Chúa Trời, còn tạo vật là những vật được Chúa tạo ra (creature).

(6) Nguyên văn: "Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh". Canh tường là điển tích nói về vua Ngu Thuấn do hâm mộ đức hạnh của vua Đường Nghiêu nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đời sau thường dùng chữ "canh tường" để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. "Thận độc" là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng cẩu thả. "Khâm ảnh" là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ "khâm ảnh vô quý" (chẳng thẹn với bóng áo). Như vậy "thận độc khâm ảnh" ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với bóng của chính mình.

(7) Ngũ suy: Năm tướng suy: 1. Hoa trên đầu héo 2. Y phục nhơ nhớp 3. Đổ mồ hôi nách 4. Thân hình hôi thối 5. Không ưa ngồi trên tòa.Mỗi khi năm tướng ấy hiện là điềm báo trước vị trời ấy khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

Xem Tiếp: ***Phần 3***

TVHS